



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



**BÁO CÁO
AN TOÀN SỨC KHỎE
MÔI TRƯỜNG THƯỜNG NIÊN**

Hà Nội, tháng 01 năm 2016



**BÁO CÁO
AN TOÀN SỨC KHỎE
MÔI TRƯỜNG THƯỜNG NIÊN**

Hà Nội, tháng 01 năm 2016



LỜI MỞ ĐẦU

Trên tay Quý vị là ấn phẩm Báo cáo An toàn - Sức khỏe - Môi trường thường niên đầu tiên (Báo cáo) của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn). Các số liệu, thông tin được trình bày trong báo cáo đã được tập hợp đầy đủ tối đa có thể dựa trên Cơ sở dữ liệu An toàn - Sức khỏe - Môi trường đã được Tập đoàn đưa vào vận hành từ năm 2012.

Báo cáo thể hiện cam kết mạnh mẽ của Tập đoàn đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an toàn sức khỏe của người lao động, bảo vệ chất lượng của môi trường, tài nguyên sinh thái và chăm lo an sinh xã hội của cộng đồng.

Thông qua Báo cáo, chúng tôi mong muốn không chỉ mang lại một kênh thông tin có giá trị để cung cấp cho các đối tác, khách hàng bên cạnh Brochure về Tập đoàn hiện nay, mà còn là cơ hội để nâng cao năng lực, nhận thức, tương tác, trao đổi về An toàn - Sức khỏe - Môi trường (ATSKMT) giữa các đơn vị, các cấp quản lý, cán bộ chuyên trách ATSKMT và người lao động.

Với mục đích nêu trên, chúng tôi rất mong nhận được các góp ý quý báu của quý vị về chất lượng của Báo cáo, để từng bước nâng cao chất lượng lập báo cáo trong những kỳ tiếp sau.

Trân trọng cảm ơn.



NGUYỄN VŨ TRƯỜNG SƠN
Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM	14
II. HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG	26
III. QUẢN LÝ RỦI RO	44
IV. NGƯỜI LAO ĐỘNG	50
V. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - NĂNG LƯỢNG	56
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ATSKMT GIAI ĐOẠN 2012 - 2015	68
VII. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2012 - 2015	74
VIII. CÁC BÊN LIÊN QUAN - CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI	88
IX. KHEN THƯỞNG - GHI NHẬN	96

I. GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

- Cơ cấu tổ chức
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Phát triển kinh doanh, thị trường



II. HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

- Chính sách ATSKMT
- Hệ thống quản lý ATSKMT
- Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý ATSKMT
- Tuân thủ pháp luật ATSKMT
- Đào tạo ATSKMT



V. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - NĂNG LƯỢNG

- Quan điểm của Tập đoàn về biến đổi khí hậu
- Hành động của Tập đoàn về biến đổi khí hậu
- Phát triển năng lượng tái tạo
- Cải tiến, nâng cấp chất lượng sản phẩm về các khía cạnh môi trường



VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ATSKMT GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

- An toàn Sức khỏe
- Bảo vệ Môi trường
- Ứng phó khẩn cấp



VII. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

- Năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu chính đã tiêu thụ
- Năng lượng tái tạo đã sản xuất
- Lượng Hydrocarbon đốt bỏ
- Khí thải từ các nhà máy trên bờ
- Sử dụng nước và nước thải
- Chất thải rắn công nghiệp



III. QUẢN LÝ RỦI RO

- Quản lý rủi ro trong phát triển bền vững
- Quản lý rủi ro ATSKMT



VIII. CÁC BÊN LIÊN QUAN - CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

- Các bên liên quan
- Trách nhiệm với các dự án có tái định cư
- Trách nhiệm với cộng đồng



IV. NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đào tạo, tư vấn, phòng ngừa dịch bệnh và kiểm soát rủi ro cho người lao động
- Hoạt động công đoàn



IX. KHEN THƯỞNG - GHI NHẬN

- Khen thưởng - ghi nhận về công tác ATSKMT
- Khen thưởng - ghi nhận về công tác xã hội



PHẠM VI BÁO CÁO

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoạt động kinh doanh chính tập trung trong phạm vi lãnh thổ, lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Trên phạm vi quốc tế, Tập đoàn hiện có hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí tại một số quốc gia. Các thông tin, dữ liệu về ATSKMT, xã hội và cộng đồng, tài chính, vận hành và lực lượng lao động được căn cứ theo số liệu tổng hợp trong tất cả các hoạt động của Tập đoàn. Các số liệu ATSKMT được thống kê từ năm 2012 đến hết quý II năm 2015.

NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Báo cáo được xây dựng bám sát tối đa theo Hướng dẫn Báo cáo Bền vững phiên bản 3.1 (Sustainability Reporting Guidelines G3.1) của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Ngoài ra, chúng tôi cũng tham khảo Hướng dẫn Tự nguyện Báo cáo Bền vững trong Công nghiệp Dầu khí (Oil and Gas industry guidance on voluntary sustainability reporting) của tổ chức IPIECA.

Các nguồn số liệu, dữ liệu được sử dụng trong Báo cáo được đảm bảo thông qua các hoạt động kiểm toán của Nhà nước và các tổ chức kiểm toán độc lập, cũng như các công bố chính thức của Tập đoàn.

Mục tiêu của Tập đoàn trong thời gian tới là xây dựng, vận hành các công cụ cho phép thu thập đầy đủ các dữ liệu phục vụ công tác lập báo cáo bền vững hoàn toàn tuân thủ G3.1 của GRI.



THÔNG điệp CỦA LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Kính thưa Quý vị

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam những năm gần đây, có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách Nhà nước và phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Hằng năm đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 18 - 20%, tổng doanh thu đạt tương đương 20% GDP của cả nước và đóng góp 25 - 30% cho nguồn thu Ngân sách Nhà nước.

Năm 2015, tình hình kinh tế - tài chính ở Việt Nam và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, giá dầu sụt giảm mạnh trên thị trường dầu mỏ, đã tác động trực tiếp đến mọi mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn. Thách thức, khó khăn là rất lớn, song với sự chỉ đạo sâu sát của Đảng, Chính phủ và nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên, Tập đoàn vẫn hoàn thành toàn diện và vượt mức tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, đóng góp lớn cho Ngân sách Nhà nước, duy trì được sự phát triển ổn định và mang lại lợi ích cho xã hội, người lao động, người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Thành công của Tập đoàn trong năm 2015 là nhờ coi trọng và kiên định thực hiện quan điểm,

định hướng và chiến lược phát triển bền vững - đó là xây dựng Tập đoàn thành tập đoàn kinh tế năng động, có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả kinh doanh cao bằng cách tối ưu hóa việc sử dụng mọi nguồn lực sẵn có, gia tăng giá trị tài nguyên dầu khí trong nước, gia tăng nguồn tài nguyên dầu khí từ nước ngoài, tích cực tham gia bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và đi đầu trong công tác an sinh xã hội.

Chúng tôi tự hào về những kết quả đã đạt được trong năm 2015. Có được những kết quả trên bên cạnh sự nỗ lực, ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết, sự cần cù, sáng tạo của gần 60.000 cán bộ, công nhân viên Tập đoàn, là sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, sự hợp tác hiệu quả và tin cậy của các đối tác trong và ngoài nước. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác quý báu của quý vị khách hàng và đối tác. Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo chiến lược bền vững đã đặt ra để xứng đáng với niềm tin của quý vị khách hàng và đối tác đã và sẽ tiếp tục dành cho Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tôi xin chúc quý vị khách hàng và đối tác một năm Bình Thân An Khang - Thịnh vượng và Thành công.

NGUYỄN QUỐC KHÁNH
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

I. GIỚI THIỆU

GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Quy chế hoạt động của Tập đoàn được quy định tại Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2013 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 1 năm 2015 về Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam của Chính phủ.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Tập đoàn tập trung vào lĩnh vực dầu khí, trong cả 3 khâu: Đầu, giữa và cuối. Bên cạnh các hoạt động dầu khí, Tập

đoàn đang tham gia sản xuất và kinh doanh điện, phân bón, năng lượng tái tạo. Các sản phẩm của Tập đoàn bao gồm dầu thô, xăng dầu và các loại nhiên liệu, khí tự nhiên, khí nén CNG, khí hóa lỏng LPG, hóa chất, hóa phẩm phục vụ hoạt động dầu khí, phân bón và điện. Đặc biệt, Tập đoàn còn cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, đào tạo và cung ứng nhân lực dầu khí cho các tổ chức dầu khí khác đang hoạt động tại Việt Nam.

Tập đoàn có trụ sở chính đặt tại địa chỉ: 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội. Bên cạnh các hoạt động dầu khí tại Việt Nam, Tập đoàn đã và đang tiếp tục tích cực triển khai thực hiện các dự án thăm dò

khai thác tại 15 quốc gia và vùng lãnh thổ, tập trung chủ yếu tại những khu vực có tiềm năng dầu khí như Cộng hòa Liên bang Nga và các nước SNG, Trung Đông, Bắc & Trung Phi, Mỹ La tinh và các nước Đông Nam Á.

Tập đoàn là thành viên tham gia có trách nhiệm trong nhiều tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong và ngoài Việt Nam nhằm mục đích tăng cường, phát huy công tác ATSKMT trong ngành Dầu khí nói riêng và ngành công nghiệp nói chung của Việt Nam và của khu vực. Các tổ chức mà Tập đoàn hiện đang là thành viên bao gồm: Hội Nước sạch và Bảo vệ Môi trường Việt Nam, Hội Hóa chất Việt Nam, ASCOPE, CCOP...

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Quan hệ về kinh tế giữa Tập đoàn và các đơn vị cơ sở Tập đoàn là mối quan hệ bình đẳng giữa các pháp nhân độc lập và bằng các hợp đồng kinh tế. Trong đó, Công ty Mẹ - Tập đoàn quản lý các đơn vị cơ sở bằng việc thực hiện quyền của chủ sở hữu và thông qua người đại diện tại đơn vị. Đối với các đơn vị cơ sở, việc tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình này đã phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở được tổ chức theo mô hình: Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Kiểm soát

viên/Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.

Từ năm 2013, Tập đoàn thực hiện tái cơ cấu theo nội dung Quyết định số 46/2013/QĐ-TTg ngày 5 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ theo hướng chỉ tập trung trong 5 lĩnh vực hoạt động cốt lõi là: Thăm dò Khai thác Dầu khí; Lọc hóa Dầu; Công nghiệp Khí; Công nghiệp Điện và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí chất lượng cao, trong đó lĩnh vực thăm dò khai thác dầu khí là trọng tâm. Cùng lúc sắp xếp tổ chức lại, cổ phần hóa, thoái vốn tại một số đơn vị cơ sở và thoái hết vốn đầu tư ngoài ngành. Thông qua quá trình tái cơ cấu nêu trên, sự quản lý, giám sát đối với hoạt động



của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở được tăng cường, từ đó nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn.





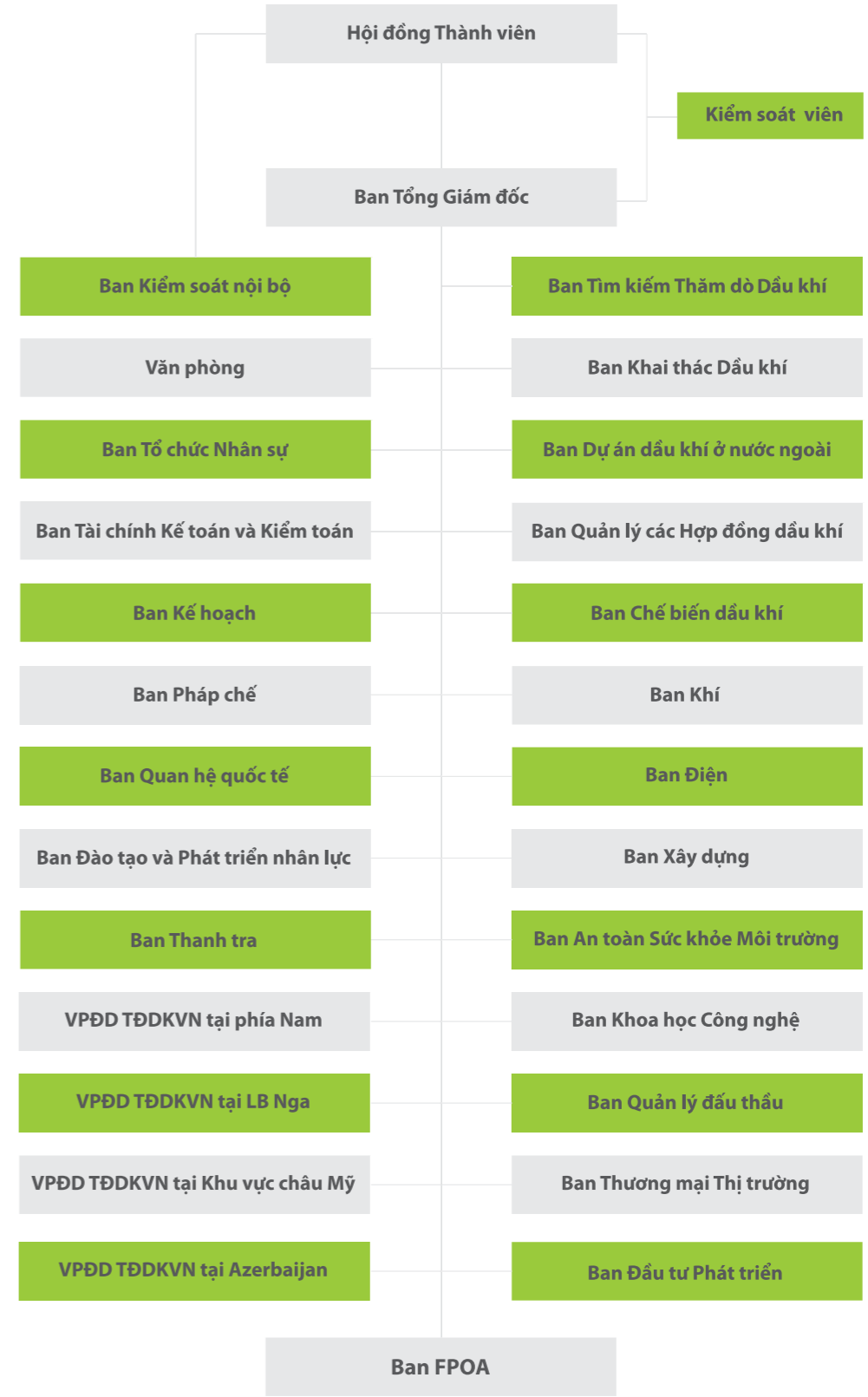
Công ty CP PVI (PVI Holdings)
 Tổng Công ty CP Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)
 Tổng Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)
 Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV EIC)
 Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)
 Công ty TNHH Liên doanh Rusvietpetro (Trụ sở tại Liên bang Nga)
 Công ty TNHH Liên doanh Gazpromviet (Trụ sở tại Liên bang Nga)
 Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP)
 Công ty TNHH Lọc hóa dầu Long Sơn (LSP)
 Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh
 Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)

Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS)
 Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)
 Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)
 Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PV TRANS)
 Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)
 Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)
 Tổng Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)
 Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)
 Liên doanh Việt - Nga (VSP)
 Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)
 Công ty CP Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP)

Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PV EP)
 Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)
 Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER)
 Công ty TNHH - MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn (BRS)
 Công ty TNHH - MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)



BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG



HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Ông Nguyễn Quốc Khánh
Chủ tịch HĐQT



Ông Phạm Xuân Cảnh
Thành viên HĐQT



Ông Phan Đình Đức
Thành viên HĐQT



Ông Đinh Văn Sơn
Thành viên HĐQT



Ông Phan Ngọc Trung
Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Quốc Thập
Phó Tổng Giám đốc
Thường trực



Ông Nguyễn Hùng Dũng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Lê Minh Hồng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Lê Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Sinh Khang
Phó Tổng Giám đốc



Ông Ninh Văn Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn
Phó Tổng Giám đốc



Ông Đỗ Chí Thành
Phó Tổng Giám đốc



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

Đến năm 2015, Tập đoàn đã ký 37 hợp đồng dầu khí mới cùng nhiều thỏa thuận hợp tác quan trọng trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí với các công ty dầu khí quốc tế; có 19 phát hiện dầu khí mới. Tập đoàn đã đưa thêm 29 mỏ/công trình mới vào khai thác (trong nước 20 mỏ/công trình, nước ngoài 9 mỏ/công trình); Tổng sản lượng dầu thô khai thác đạt 131,2 triệu tấn và sản lượng khí đạt 73,6 tỷ m³. Năng lực quản lý điều hành dự án đã được nâng cao từ việc trước đây chỉ thực hiện giám sát, quản lý các hợp đồng dầu khí, đến nay đã đủ năng lực trực tiếp điều hành các dự án dầu khí lớn ở trong và ngoài nước.

Tổng trữ lượng thu hồi dầu khí tiềm năng tại Việt Nam theo kết quả nghiên cứu, khảo sát mới nhất trong phạm vi “Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên môi trường biển” đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 hiện ở mức từ 450 đến 670

triệu m³ dầu và từ 980 đến 1.560 tỷ m³ khí.

Tập đoàn đã hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành thương mại các nhà máy thuộc lĩnh vực chế biến dầu khí: Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Polypropylen Phú Mỹ, Cà Mau, Nhà máy Xơ sợi tổng hợp polyeste Đình Vũ, các nhà máy sản xuất ethanol nhiên liệu Dung Quất, Bình Phước và Nhà máy chế biến condensate Cái Mép. Các sản phẩm xăng dầu từ các nhà máy của Tập đoàn hằng năm đáp ứng khoảng 30-40% nhu cầu xăng dầu trong nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên dầu mỏ của đất nước. Tổng sản lượng xăng dầu lũy kế của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất từ khi đi vào hoạt động đến hết năm 2015 đã đạt được 35 triệu tấn xăng dầu các loại. Các Nhà máy đạm Phú Mỹ và Cà Mau có tổng công suất 1,6 triệu tấn urê/năm, luôn vận hành an toàn ổn định, hằng năm

đáp ứng khoảng 75 - 80% nhu cầu phân urê trong nước, góp phần tích cực ổn định thị trường và giá phân đạm, bước đầu xuất khẩu sản phẩm ra các nước trong khu vực, tiết kiệm ngoại tệ cho đất nước.

Ở lĩnh vực công nghiệp điện, Tập đoàn đã hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại các dự án điện như: Cà Mau (2 x 750MW), Nhơn Trạch 1 (450MW), Nhơn Trạch 2 (750MW), Thủy điện Hòa Na (180MW) và Phong điện Phú Quý (6,3MW). Tính đến cuối năm 2014, tổng công suất của các nhà máy điện của Tập đoàn đạt hàng tỷ kWh. Trong năm 2015, các dự án điện mới tiếp tục đưa vào vận hành thương mại gồm Nhiệt điện Vũng Áng 1 (1.200MW), Thủy điện Đakđring (125MW). Đến nay tổng sản lượng điện Tập đoàn hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch mà Chính phủ giao.

Tổng doanh thu toàn Tập đoàn giai đoạn 2010 - 2015 ước đạt 3.675 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 10%/năm.



PHÁT TRIỂN KINH DOANH, THỊ TRƯỜNG

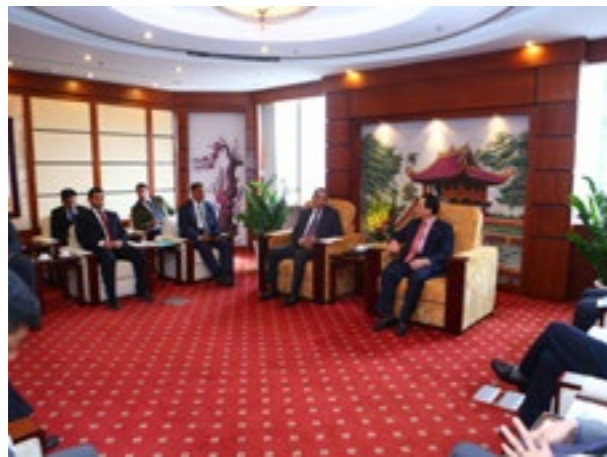
Thực hiện Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Tập đoàn xác định các nhiệm vụ kinh tế gồm:

- Gia tăng trữ lượng dầu khí;
- Gia tăng sản lượng dầu khí khai thác;
- Đẩy mạnh sản xuất điện, đạm và các sản phẩm xăng, dầu;
- Hoàn thành nhiệm vụ nộp ngân sách nhà nước và các công tác an sinh xã hội.

Để thực hiện được mục tiêu đã đề ra, Tập đoàn sẽ không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở tập trung thăm dò, khai thác

an toàn, hiệu quả các mỏ đã phát hiện; đầu tư tìm kiếm thăm dò dầu khí trên toàn lãnh thổ/thềm lục địa, chú trọng vào khu vực nước sâu, xa bờ; hợp tác với các đối tác nước ngoài, nhất là các công ty lớn trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí. Rà soát, đánh giá thực trạng triển khai các dự án đầu tư ra nước ngoài; phân tích rõ tính khả thi, hiệu quả kinh tế... của từng dự án để tăng cường quản lý, cơ cấu lại các dự án theo hướng có lợi nhất. Đầu tư thăm dò, khai thác dầu khí ra nước ngoài theo hướng xác định địa bàn đầu tư chiến lược tại các khu vực có

tiềm năng dầu khí cao. Bên cạnh đó, tiếp tục việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; triển khai có hiệu quả cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; kết hợp phát triển kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; thực hiện an sinh xã hội, bảo vệ môi trường... Các nhóm giải pháp đột phá là đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tài chính và đầu tư phát triển; khoa học - công nghệ; tổ chức quản lý, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát...



II. HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG



CHÍNH SÁCH ATSKMT

Công tác ATSKMT là một trong những trách nhiệm hàng đầu của tất cả các cấp quản lý và là một bộ phận quan trọng trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tập đoàn sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây tác hại đối với sức khỏe và tính mạng con người, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường.

Để đạt được các mục tiêu trên, Tập đoàn cam kết:

1. Bảo đảm các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của Tập đoàn cũng như các đơn vị cơ sở đáp ứng các yêu cầu pháp luật và đạt các chuẩn mực về ATSKMT;
2. Cung cấp các nguồn lực, hệ thống, quy trình cần thiết để thiết lập và duy trì mức rủi ro thấp nhất có thể về ATSKMT;
3. Bảo đảm kế hoạch, năng lực ứng cứu khẩn cấp được xây dựng và duy trì để ứng cứu kịp thời, có hiệu quả trong các trường hợp khẩn cấp;
4. Đào tạo cho cán bộ, công nhân viên của mình các kiến thức về công tác ATSKMT phù hợp với công việc mà họ đảm nhận;
5. Định kỳ xem xét, đánh giá công tác quản lý và kết quả thực hiện công tác ATSKMT để cải tiến liên tục;
6. Ưu tiên và khuyến khích sử dụng các công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở;
7. Tạo thuận lợi cho việc trao đổi giữa Tập đoàn và các đơn vị cơ sở với cán bộ, công nhân viên, nhà thầu, khách hàng, nhà cung cấp và những người có liên quan về vấn đề cải thiện công tác ATSKMT.

Tập đoàn yêu cầu tất cả cán bộ, công nhân viên nhận thức và tuân thủ đầy đủ chính sách này trong mọi hoạt động của mình. Tập đoàn cũng hy vọng rằng, hệ thống quản lý ATSKMT của các đối tác phù hợp với chính sách nói trên, nhằm thực hiện tốt công tác ATSKMT vì lợi ích chung của cộng đồng và lợi ích của mỗi bên.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ ATSKMT

Tập đoàn đã tổ chức bộ máy quản lý công tác ATSKMT thống nhất và xuyên suốt từ Công ty Mẹ đến các đơn vị cơ sở và do một Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn trực tiếp điều hành. Ban ATSKMT của Tập đoàn được tổ chức thành ba (3) phòng: Phòng An toàn & Sức khỏe Lao động, Phòng Bảo vệ Môi trường và Văn phòng trực Tình huống Khẩn cấp. Các đơn vị cơ sở đều thành lập phòng/bộ phận ATSKMT và phân công cán bộ chuyên trách. Công tác ATSKMT tại các tổ đội thuộc nhiệm vụ của các cán bộ làm công tác an toàn - vệ sinh viên.

Hệ thống quản lý ATSKMT của Tập đoàn được xây dựng và duy trì đảm bảo tính thống nhất, hệ thống và hiệu quả. Bên cạnh chính sách ATSKMT, các thành phần và các quy trình chính được công bố trong Sổ tay ATSKMT đóng vai trò là các yêu cầu thiết yếu cho mọi hoạt động. Tập đoàn đã ban hành các hướng dẫn kỹ thuật và quản lý định hướng hoạt động cho các đơn vị cơ sở cũng như công tác quản lý và kiểm tra của Tập đoàn. Tập đoàn cũng chú trọng công tác ATSKMT trong các dự án đầu tư tại các quốc gia khác, đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu của nước sở tại và các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong những năm qua, trong nhiệm vụ triển khai chính sách ATSKMT và Sổ tay Hệ thống quản lý ATSKMT của Tập đoàn vào mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn đã cập nhật, sửa đổi các tài liệu hệ thống quản lý gồm:

- Kế hoạch Ứng cứu khẩn cấp (ƯCKC) và Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD);
 - Hướng dẫn quản lý rủi ro và ứng cứu khẩn cấp trong các hoạt động dầu khí;
 - Hướng dẫn quan trắc và phân tích môi trường biển khu vực lân cận các công trình dầu khí ngoài khơi Việt Nam;
 - Hướng dẫn quan trắc môi trường xung quanh và giám sát nguồn thải của các công trình dầu khí trên đất liền.
- Bên cạnh đó, các hướng dẫn thực hiện mới được xây dựng bổ sung gồm:
- Hướng dẫn đào tạo cán bộ ATSKMT ngành Dầu khí;
 - Hướng dẫn quản lý các nhà thầu cung cấp dịch vụ về ATSKMT;
 - Hướng dẫn phân vùng nguy cơ cháy nổ cho các công trình dầu khí;



• Hướng dẫn lập kế hoạch UPSCTD cho các hoạt động và công trình dầu khí ngoài khơi.

Các hệ thống quản lý ATSKMT đã được thiết lập tại các đơn vị cơ sở trên nền tảng các yêu cầu của Hệ thống quản lý ATSKMT của Tập đoàn. Các hệ thống quản lý này đều được xây dựng theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001, ISO 14001 và ISO 9001 được các công ty độc lập đánh giá và cấp chứng chỉ. Công tác ATSKMT luôn là nội dung được báo cáo, đánh giá và có các giải pháp thích hợp trong quá trình xem xét lãnh đạo và xây dựng kế hoạch, trong các phong trào thi đua.

Cho đến thời điểm hiện nay, đã có 15 đơn vị cơ sở của Tập đoàn có Hệ thống quản lý ATSKMT được cấp chứng chỉ quốc tế, bao gồm: PTSC, PV Gas, PVFCCo, PVTrans, PVD, PVC, DMC, VSP, PVEP, PV Power, BSR, DQS,

BDPOC, PVCFC và PV Oil. Các đơn vị còn lại cũng trong quá trình hoàn thiện hệ thống quản lý ATSKMT nhằm đáp ứng yêu cầu của Tập đoàn, yêu cầu pháp luật và đặc thù hoạt động của đơn vị.

Để ứng phó hiệu quả với các tình huống khẩn cấp (sự cố cháy nổ, tràn đổ dầu, tràn đổ hóa chất...), Tập đoàn đã thành lập Ban Chỉ đạo ứng phó trong các trường hợp khẩn cấp do một Phó Tổng Giám đốc phụ trách và các thành viên là các đại diện lãnh đạo các Ban, Văn phòng Tập đoàn, lãnh đạo các đơn vị với Văn phòng trực Tình huống Khẩn cấp hoạt động thường xuyên 24/7. Về UPSCTD có các trung tâm ứng phó thuộc VSP và trung tâm ứng phó tràn dầu khu vực III do PVD quản lý.

Tập đoàn cập nhật thường xuyên chiến lược và kế hoạch UPSCTD để đề ra các chiến lược/

kế hoạch ứng phó. Các đơn vị cơ sở đều xây dựng kế hoạch UPSCTD và công tác sẵn sàng UPSCTD được thể hiện như sau:

- Đánh giá rủi ro: tất cả các hoạt động có liên quan tới dầu và sản phẩm dầu đều được đánh giá rủi ro, đồng thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa cả về quản lý lẫn kỹ thuật.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát: tại các vị trí có khả năng xảy ra tràn dầu đều có những trang thiết bị có sẵn để lập tức triển khai khi có sự cố xảy ra: (tàu dịch vụ, tàu kéo, phao quây, máy hút dầu, thiết bị chứa...).

- Thường xuyên đào tạo và diễn tập UPSCTD.

Công tác bảo vệ môi trường (BVMT) được triển khai ngay từ khi bắt đầu của mọi dự án. Tất cả các hoạt động của Tập đoàn đều được nghiên cứu và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

hoặc cam kết/kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án đầu tư theo yêu cầu pháp luật, trong đó đề xuất các biện pháp, kế hoạch ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường. Biện pháp giảm thiểu cam kết đạt được các mục đích sau:

- Giảm thiểu lượng chất thải;
- Xử lý các loại chất thải phát sinh đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế trước khi xả thải vào môi trường;
- Giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải như xáo trộn vật lý, tiếng ồn, độ rung...

Việc giám sát môi trường được triển khai theo đúng các yêu cầu pháp luật, cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và hướng dẫn của Tập đoàn, bao gồm môi trường nước, không khí và trầm tích. Công tác giám sát các nguồn thải được thực hiện theo hệ thống, lưu hồ sơ, báo cáo theo quy định. Công tác

phân loại, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý các chất thải rắn, chất thải nguy hại được bố trí đầy đủ nguồn lực, hướng dẫn cụ thể, đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây hại tới môi trường và cộng đồng, tuân thủ quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tập đoàn yêu cầu các đơn vị thường xuyên cập nhật các nguồn thải từ hoạt động của mình, từ đó xác định rõ những rủi ro và tác động môi trường để thực hiện các hoạt động giảm thiểu phù hợp.

Kể từ năm 2012, Tập đoàn đã đưa vào sử dụng hiệu quả phần mềm “Hệ thống cơ sở dữ liệu ATSKMT của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”, một cầu nối quan trọng giữa Tập đoàn và các đơn vị. Thông qua công tác vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu ATSKMT, Tập đoàn tổng hợp, thống kê và theo dõi các chỉ số ATSKMT của tất cả các đơn vị cơ sở và nhà thầu dầu khí, báo cáo định kỳ tới lãnh đạo Tập đoàn và cơ quan quản lý nhà nước về ATSKMT.

Trên cơ sở đánh giá chi tiết các chỉ số ATSKMT được theo dõi, Tập đoàn rà soát hiệu quả của hệ thống quản lý ATSKMT; kiện toàn, bổ sung các văn bản hướng dẫn; phát hiện, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong ATSKMT; tìm kiếm các cơ hội nâng cao chất lượng công tác ATSKMT, đảm bảo bảo vệ nghiêm ngặt cho người lao động, môi trường và tài sản của Tập đoàn.

Công tác nghiên cứu khoa học và tư vấn về ATSKMT được giao cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn và Môi trường Dầu khí thuộc VPI. Tiểu ban Khoa học Công nghệ về ATSKMT cũng được thành lập trong khuôn khổ Hội đồng Khoa học Công nghệ Tập đoàn với các thành viên là lãnh đạo và chuyên viên chủ chốt trong lĩnh vực ATSKMT của cơ quan Tập đoàn và các đơn vị cơ sở.



PHƯƠNG HƯỚNG, CÁCH TIẾP CẬN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ATSKMT

Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý An toàn sức khỏe



Đứng trước những thách thức và khó khăn với nguy cơ giá dầu trên thế giới sụt giảm mạnh, triển khai các dự án thăm dò, khai thác dầu khí ở vùng biển nước sâu và diễn biến bất thường của thời tiết do biến đổi khí hậu, công tác An toàn sức khỏe (ATSK) của ngành Dầu khí đóng một vai trò rất quan trọng và cần phải được thực hiện theo hướng đảm bảo an toàn công nghệ, an toàn con người, môi trường và tài sản. Đáp ứng yêu cầu đó, công tác ATSK được Tập đoàn định hướng như sau:

- Đẩy mạnh quản lý an toàn công nghệ, khuyến khích tích hợp hệ thống an toàn công nghệ vào hệ thống ATSKMT và các hệ thống quản lý khác;
- Tiếp tục nâng cao hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống quản lý ATSKMT của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở. Thúc đẩy việc xây dựng và triển khai Hệ thống quản lý ATSKMT tại 100% các đơn vị cơ sở;
- Thúc đẩy các nghiên cứu, điều tra về bệnh nghề nghiệp, tăng cường các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát sinh các bệnh nghề nghiệp như điếc, phổi Silic... ở người lao động;
- Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra ATSKMT ở các đơn vị cơ sở, trong đó có cơ chế kiểm tra chéo. Hình thức này sẽ giúp các đơn vị học tập được kinh nghiệm lẫn nhau, phát hiện ra được sai sót để kịp thời điều chỉnh và chất lượng kiểm tra, giám sát được tăng cường.



Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý An toàn công nghệ, bảo vệ tài sản



An toàn công nghệ (ATCN) là việc kiểm soát các nguy cơ có thể gây ra những tổn thất nghiêm trọng từ các hệ thống công nghệ.

Tập đoàn đã ban hành “Hướng dẫn chung về an toàn trong thi công giếng khoan” nhằm tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn cho các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí ngoài khơi, đặc biệt đối với các đơn vị có hoạt động tại các khu vực biển nước sâu, xa bờ.

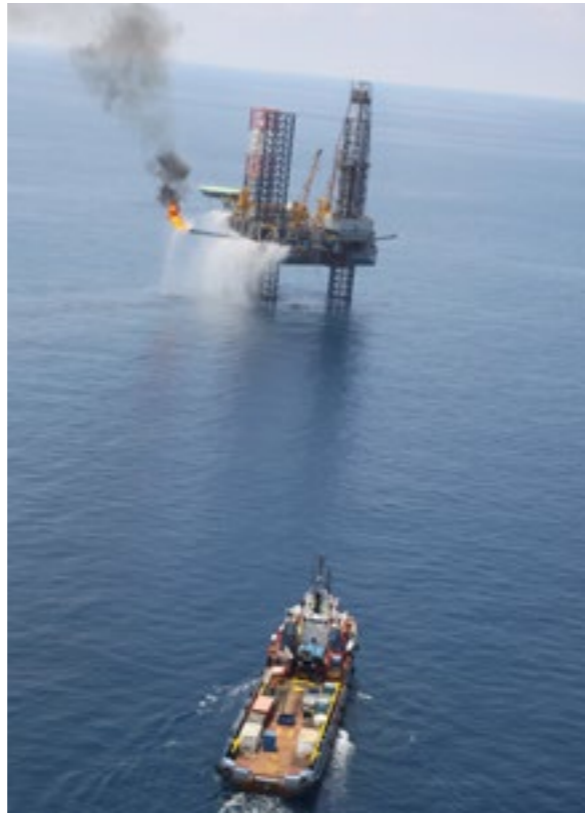
Các giàn khai thác, giàn công nghệ, công trình chế biến dầu khí sau một thời gian dài vận hành liên tục sẽ xuất hiện các nguy cơ mất an toàn, chịu sự ăn mòn, xuống cấp nên việc quản lý an toàn, đặc biệt an toàn công nghệ càng trở nên cấp thiết.

Đứng trước yêu cầu này, Tập đoàn đang nghiên cứu và xây dựng “Hướng dẫn thiết lập và áp dụng bộ chỉ số hiệu quả an toàn công nghệ” nhằm tăng cường hiệu quả hệ thống quản lý an toàn cho các hoạt động lọc hóa dầu và chế biến khí của Tập đoàn. Việc tích hợp hệ thống quản lý ATCN và hệ thống quản lý ATSKMT cũng đang được triển khai mạnh mẽ ở các đơn vị cơ sở Tập đoàn như PV Gas, BSR và PVFCCo.

Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý Ứng phó khẩn cấp

Các sự cố khẩn cấp trong hoạt động đầu khí thường diễn biến rất phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng, phải huy động nhiều nguồn lực từ địa phương đến trung ương, trong nhiều trường hợp phải huy động nguồn lực quốc tế. Do vậy, Tập đoàn luôn chú trọng liên tục nâng cao năng lực và khả năng ứng phó trong tình huống khẩn cấp; Đặc biệt là năng lực ứng phó với diễn biến bất thường của thời tiết và các sự cố xảy ra trong hoạt động tại khu vực biển nước sâu, xa bờ.

Tập đoàn đang nghiên cứu xây dựng các kế hoạch ứng phó cấp quốc gia sự cố cháy nổ đường ống dẫn dầu, khí và giàn khoan với các kịch bản cháy nổ, leo thang sự cố đến khu vực công nghệ nhà máy, giàn khoan... nhằm triển khai ứng phó một cách hiệu quả và đồng bộ khi sự cố xảy ra. Đề án “Nâng cấp năng lực ứng cứu tình huống khẩn cấp cho hệ thống Văn phòng trực ứng cứu khẩn cấp của Tập đoàn” cũng được thúc đẩy để hoàn thành vào quý I/2016.



Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý Bảo vệ môi trường

Để đảm bảo phát triển bền vững trong sản xuất, kinh doanh, các mục tiêu lớn trong giai đoạn tới sẽ là: sử dụng hợp lý và hiệu quả nguyên, nhiên liệu, vật tư, năng lượng và kiểm soát chặt chẽ phát thải, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải, đảm bảo cung ứng cho thị trường các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Như vậy, bảo vệ môi trường (BVMT) sẽ là các hoạt động không chỉ bó gọn trong kiểm soát phát thải và ứng phó sự cố môi trường mà thực sự tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, kinh doanh.

Về quản lý, Tập đoàn sẽ tiếp tục củng cố hệ thống các tổ chức liên quan đến hoạt động BVMT, cải tiến liên tục hệ thống quản lý BVMT từ cấp Tập đoàn đến các đơn vị cơ sở. Công tác quản lý môi trường được thực hiện trên cơ sở quản lý rủi ro và xuyên suốt quá trình triển khai dự án từ giai đoạn xây dựng ý tưởng đến kết thúc và tháo dỡ công trình, trong đó các giải pháp công nghệ - kỹ thuật sẽ là lựa chọn ưu tiên, bao gồm cả việc lựa chọn công nghệ, nguyên liệu, nhiên liệu và vị trí công trình.

Quá trình triển khai các nhiệm vụ trên được khởi động bằng các hoạt động kiểm toán: kiểm toán sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật tư, năng lượng, kiểm toán phát thải, từ đó định lượng được các định mức cơ sở cho mỗi đơn vị sản phẩm và/hoặc doanh thu và xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến các tiêu chí trên và hình thành các giải pháp phù hợp.

Công tác thông tin, tuyên truyền và tổ chức các phong trào thi đua trong tiết kiệm nguồn lực, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất sẽ đảm bảo mọi cán bộ, nhân viên tham gia hiệu quả vào

quá trình phát triển bền vững.

Song song với các nhiệm vụ, các hoạt động BVMT hiện hữu vẫn tiếp tục được triển khai theo hướng thực chất và hiệu quả hơn, các tiêu chí BVMT được lượng hóa, các thông tin được tổng hợp, xử lý, kịp thời cung cấp thông tin và đề xuất đến các cấp lãnh đạo phục vụ quá trình ra quyết định.

Tập đoàn sẽ tiếp tục đầu tư cho việc rà soát, chỉnh lý các văn bản hướng dẫn, các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, nâng cao năng lực ứng phó và tổ chức tập huấn, diễn tập đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống ứng phó.

Năm 2015, Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 bắt đầu có hiệu lực thi hành với nhiều thay đổi quan trọng; các dự án thăm dò khai thác dầu khí ở vùng nước sâu xa bờ đã bắt đầu được triển khai; các hiện tượng bất thường do biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng. Bối cảnh đó đặt ra những mục tiêu mới trong công tác BVMT, cụ thể là:

- Bảo đảm tiếp tục tuân thủ pháp luật về BVMT trong quá trình thực hiện các dự án, vận hành các công trình dầu khí, đặc biệt là các quy định mới;
- Đảm bảo công tác BVMT cho các hoạt động thăm dò khai thác tại các vùng biển xa bờ với những điều kiện đặc thù về môi trường biển sâu;
- Nâng cao năng lực và khả năng ứng phó trong các tình huống bất thường do biến đổi khí hậu.

Phối hợp chặt chẽ trong nội bộ Tập đoàn, với các cơ quan quản lý nhà nước trung ương, địa phương và hợp tác quốc tế rộng rãi là hoạt động thường xuyên của Tập đoàn nhằm nâng cao năng lực BVMT của Tập đoàn.



Tuân thủ pháp luật ATSKMT

Mục đích của yêu cầu pháp luật về ATSKMT và các yêu cầu của tiêu chuẩn khác là điều chỉnh các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp để đảm bảo người lao động được bảo vệ khỏi thương tật, sản phẩm không gây phương hại đến cộng đồng và tác động đến môi trường được giảm thiểu.

Một trong những yêu cầu quan trọng trong quá trình xây dựng, vận hành và duy trì hệ thống quản lý ATSKMT đó là xác định các yêu cầu pháp luật về ATSKMT và đánh giá tuân thủ. Đây cũng là một yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Từ ngày thành lập đến nay, Tập đoàn luôn nhận thức sâu sắc trách nhiệm kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị cơ sở, các đối tác nước ngoài thực thi tuân thủ quy định pháp luật về ATSKMT. Tại Việt Nam, Tập đoàn là doanh nghiệp đi tiên phong trong lĩnh vực an toàn, môi trường, từng bước hoàn thiện các hướng dẫn kiểm soát an toàn, môi trường, ứng phó với các sự cố đặc thù riêng của ngành, đảm bảo đạt các yêu cầu của công nghiệp dầu khí quốc tế. Cùng với sự tư vấn của các tổ chức quốc tế (PSA, NCA, KLIF...), Tập đoàn đã nỗ lực không ngừng trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng và hoàn thiện các tài liệu pháp luật về quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, ứng phó sự cố tràn dầu và bảo vệ môi trường, nhằm đảm

bảo an toàn cho con người, môi trường và tài sản trong toàn bộ hoạt động dầu khí. Đây có thể nói là một trong những thành quả lớn nhất của Tập đoàn đã đạt được trong những năm qua.

Các đơn vị cơ sở của Tập đoàn thường xuyên tổ chức cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn/quy chuẩn, quy định về ATSKMT để tổ chức thực hiện. Với sự quản lý, hỗ trợ của Tập đoàn, đến nay hầu hết các đơn vị, nhà thầu dầu khí đều đã lập danh mục các tài liệu pháp luật cần tuân thủ và tổ chức đánh giá định kỳ hằng năm. Qua các hình thức thực hiện đa dạng như giao cho bộ phận ATSKMT chuyên trách, bán chuyên trách, quản lý chất lượng hệ thống... hoặc ký kết với doanh nghiệp có chức năng liên quan... đã đảm bảo việc cập nhật đúng và đầy đủ quy định pháp luật ATSKMT trong toàn bộ Tập đoàn.

Mặt khác, trong các đợt kiểm tra định kỳ công tác ATSKMT ở các đơn vị, việc đánh giá sự tuân thủ pháp luật luôn được Tập đoàn xem là nội dung quan trọng. Công tác kiểm tra ATSKMT không chỉ được tiến hành với tần suất hằng năm mà còn được thực hiện theo bốn cấp, cấp Tập đoàn, cấp tổng công ty, cấp công ty và cấp tổ đội, nhằm đảm bảo mức độ chi tiết, nghiêm ngặt và kịp thời của công tác kiểm tra. Ngoài ra, Tập đoàn thường xuyên phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước gồm Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên

và Môi trường, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội... đánh giá việc tuân thủ quy định ATSKMT ở các đơn vị. Các đợt kiểm tra đột xuất cũng được tiến hành hằng năm ở một số đơn vị có rủi ro xảy ra tai nạn sự cố cao hoặc đang bảo dưỡng để tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra. Bên cạnh đó những chương trình giám sát nội bộ của từng đơn vị cơ sở cũng được thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu pháp luật và các quy định được ban hành.

Công tác lập và phê duyệt các báo cáo đánh giá định lượng rủi ro, chương trình quản lý an toàn, kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp, kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định luôn được thực hiện nghiêm túc và đồng bộ ở tất cả các đơn vị của Tập đoàn. Việc đăng ký, kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được thực hiện nghiêm túc.

Trong lĩnh vực sức khỏe, các đợt đo kiểm môi trường lao động, hồ sơ vệ sinh lao động được thực hiện thường xuyên theo quy định Bộ Y tế. Các nghiên cứu bệnh nghề nghiệp được triển khai nhằm xác định hiện trạng, tìm kiếm nguyên nhân và đề xuất các giải pháp thích hợp bảo vệ người lao động.

Những năm vừa qua, Tập đoàn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước chủ trì xây dựng các văn bản pháp luật về bảo vệ an toàn,

môi trường đặc thù trong hoạt động dầu khí gồm: Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về an toàn trong hoạt động dầu khí; Quyết định số 2/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 1 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; Thông tư số 22/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường trong sử dụng dung dịch khoan, quản lý chất thải và quan trắc môi trường đối với các hoạt động dầu khí trên biển; các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 34:2010/BTNMT về khí thải công nghiệp lọc hóa dầu đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 35:2010/BTNMT về nước khai thác thải từ các công trình dầu khí trên biển; và QCVN 36:2010/BTNMT về dung dịch khoan và mùn khoan thải từ các công trình dầu khí trên biển.

Trong thời gian tới, Tập đoàn tiếp tục phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng và ban hành thông tư hướng dẫn thu dọn mỏ, công trình dầu khí ngoài khơi và các quy chuẩn về nước thải công nghiệp sản xuất cồn nhiên liệu, phân loại chất phân tán được phép sử dụng tại Việt Nam; đồng thời tiếp tục tháo gỡ các điểm còn vướng mắc trong quy định pháp luật hiện hành về ATSKMT để phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.



Tham vấn cộng đồng hướng tới bảo vệ ATSKMT



Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn được tập trung trên 5 lĩnh vực chính là: thăm dò khai thác dầu khí, lọc - hóa dầu, công nghiệp khí, công nghiệp điện và dịch vụ dầu khí chất lượng cao, trong đó thăm dò khai thác dầu khí là cốt lõi. Hầu hết các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí của Tập đoàn được thực hiện ngoài khơi tại các bể Cửu Long, Nam Côn Sơn, Phú Khánh... có thể gây cản trở và hạn chế hoạt động của ngư dân tại các ngư trường. Tuy nhiên, các hoạt động đánh bắt của ngư dân có nguy cơ gây rò rỉ, cháy nổ đường ống và các hoạt động thăm dò, khai thác do việc thả neo hoặc dùng chất nổ trong đánh bắt. Pháp luật đã quy định rõ khu vực an toàn đối với các công trình dầu khí. Vì vậy, rất cần sự hợp tác, thông tin, tuyên truyền giữa Tập đoàn và các bộ, ban ngành, địa phương liên quan cũng như tới người dân để giảm thiểu tác động qua lại giữa các bên.

Hoạt động sản xuất trong các lĩnh

vực lọc hóa dầu, công nghiệp khí, công nghiệp điện và dịch vụ dầu khí trên bờ của Tập đoàn được đánh giá mang một số tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư xung quanh nếu không có biện pháp giảm thiểu thích hợp. Ngoài ra, trong giai đoạn xây dựng có khả năng phải di dời, tái định cư các hộ dân sống trong khu vực dự án. Khi đi vào hoạt động các nhà máy làm tăng mật độ phương tiện lưu thông, có thể xảy ra xung đột văn hóa với cộng đồng địa phương do tăng lực lượng lao động từ nhiều vùng miền khác nhau, tăng nguy cơ lan truyền dịch bệnh xã hội... Các sự cố cháy, nổ, tràn dầu có thể gây tác động đến cộng đồng địa phương.

Nhận thức được rằng, để quản lý môi trường và các vấn đề xã hội có hiệu quả trong các hoạt động SXKD của mình, Tập đoàn trước hết cần dựa vào cộng đồng. Các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường phải là thể thống nhất, hài hòa và có sự tham gia của tất cả các cá nhân cũng như các tổ chức trong việc bảo vệ môi trường

tự nhiên và xã hội ở cơ sở để đáp ứng nhu cầu của mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

Các vấn đề an toàn, môi trường và xã hội được giải quyết tốt nhất khi có sự tham gia của tất cả các bên quan tâm, đặc biệt trong việc quản lý các dự án đầu tư có tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội (di dời, tái định cư...). Sự tham gia và giám sát của các tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương không chỉ đóng góp thêm nguồn nhân lực để thực hiện công tác BVMT mà còn giúp đạt được sự đồng thuận trong quá trình triển khai dự án đầu tư, hạn chế các tranh chấp và xung đột liên quan đến môi trường và xã hội.

Thực hiện theo các quy định liên quan tại Việt Nam, công tác tham vấn cộng đồng địa phương của các dự án trong phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có liên quan đến cộng đồng đều được thực hiện trong thời gian lập các báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Việc tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương và các bộ phận liên quan được tiến hành dưới hình thức họp cộng đồng dân cư do chủ dự án và UBND cấp xã nơi thực hiện dự án đồng chủ trì với sự tham gia của những người đại diện cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội,

tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản được UBND cấp xã triệu tập. Ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp được thể hiện đầy đủ, trung thực trong biên bản; Những ý kiến này được chủ dự án giải trình và cam kết thực hiện, sau khi đạt được sự đồng thuận.

Ngoài ra, trong một số dự án liên doanh với nước ngoài hoặc có vay vốn của các tổ chức tín dụng quốc tế, việc tham vấn cộng đồng địa phương còn phải tuân thủ yêu cầu riêng của tổ chức tín dụng cho vay như IFC, ADB, WB... Sự tham gia của cộng đồng và công chúng trong các dự án này được phân chia thành 4 cấp độ như sau:

- Đàm phán - thảo luận trực tiếp giữa chủ dự án và các bên chủ chốt liên quan nhằm xây dựng sự đồng thuận và hướng tới giải pháp các bên có thể chấp nhận, ví dụ gói giảm thiểu tác động và các biện pháp bồi thường.

- Tham gia - sự trao đổi tương tác giữa chủ dự án và cộng đồng bao gồm chia sẻ thông tin và thiết lập chương trình làm việc, tăng cường hiểu biết giữa các bên;

- Tham vấn - thông tin hai chiều giữa chủ dự án và cộng đồng tạo cơ hội cho cộng đồng bày tỏ quan điểm về đề xuất;

- Thông báo - thông tin một chiều từ chủ dự án tới cộng đồng.

Công tác tham vấn cộng đồng địa





phương trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện trong những năm qua đã đóng vai trò quan trọng trong việc khảo sát, nghiên cứu hiện trạng, đánh giá tác động và thực hiện các biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học cũng như các vấn đề xã hội cần quan tâm.

Mặt khác, Tập đoàn triển khai định kỳ các chương trình phổ biến, tuyên truyền, tương tác sâu rộng với các cộng đồng bị ảnh hưởng. Các chương trình hướng tới cộng đồng đã được Tập đoàn và các đơn vị cơ sở thực hiện bao gồm:

- Tuyên truyền trong các cộng đồng dân cư để bảo vệ an ninh, an toàn đối với các đường ống dẫn dầu, khí trên bờ và dưới biển;
- Phối hợp với Tổng cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn triển khai các hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản và tạo công ăn việc làm cũng như đảm bảo an toàn cho ngư dân khi đánh bắt;
- Phát động các phong trào trồng cây xanh bảo vệ môi trường;
- Hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật giúp các địa phương có hoạt động dầu khí xây dựng Kế hoạch Ứng phó tràn dầu và bản đồ nhạy cảm môi trường bao gồm Bình Thuận, Cà Mau, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thái Bình, Thanh Hóa;
- Phát động các phong trào chăm sóc sức khỏe cộng đồng địa phương.

Việc tăng cường hiểu biết, nhận thức giữa các đơn vị cơ sở của Tập đoàn với người dân và chính quyền địa phương là hết sức quan trọng và cần thiết thông qua các hoạt động giao lưu, phối hợp với địa phương tham gia công tác an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phối hợp với địa phương trong kế hoạch phòng chống cháy, nổ và ứng phó tràn dầu... thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và nâng cao hình ảnh một doanh nghiệp hướng tới cộng đồng.



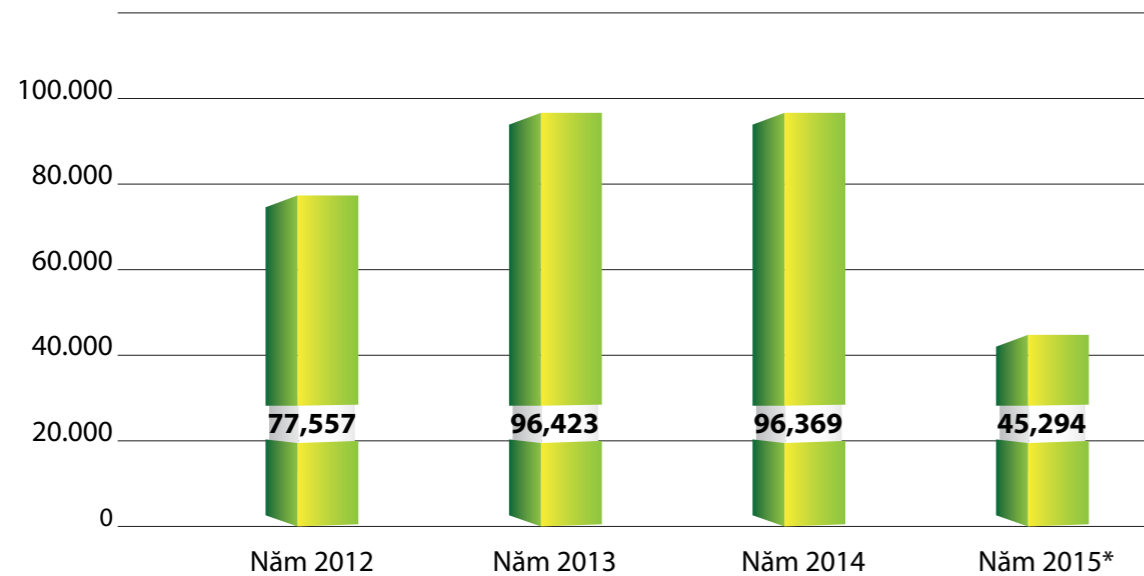
Đào tạo ATSKMT

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất đặc thù, tiềm ẩn nhiều rủi ro phức tạp về đảm bảo ATSKMT, Tập đoàn và các đơn vị cơ sở xác định con người là yếu tố then chốt đảm bảo thành công cho hoạt động, từ đó luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao ý thức của người lao động về công tác an toàn, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quản lý ATSKMT của các đơn vị để nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng về mục tiêu phát triển bền vững.

Cụ thể hóa của việc triển khai giải pháp phát triển nguồn nhân lực theo "Chiến lược tăng tốc phát triển Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đến năm 2015", các khóa đào tạo ATSKMT của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở được triển khai rất tích cực và đa dạng. Rất nhiều nội dung về an toàn và môi trường có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh được lập kế hoạch đào tạo ngay từ đầu năm và thực hiện đều đặn trong cả năm, tập trung vào người lao động, người quản lý sử dụng lao động và người làm công tác an toàn vệ sinh lao động các cấp, bao gồm từ những nội dung tổng quát tới những nội dung chuyên sâu với nhiều cấp độ cho từng khóa, do chính những cán bộ có kinh nghiệm của các đơn vị thực hiện (đào tạo nội bộ) hoặc mời những tổ chức trong và ngoài nước có uy tín giảng dạy.

Tập đoàn xây dựng và ban hành "Hướng dẫn đào tạo cán bộ An toàn Sức khỏe Môi trường cho Tập đoàn" trong năm 2014, gồm các chương trình đào tạo khung dành cho cán bộ ATSKMT theo cấp quản lý, chuyên môn đảm nhận, lĩnh vực hoạt động và xác định được 35 khóa đào tạo dành cho các phân nhóm cán bộ quản lý ATSKMT, cán bộ an toàn,

Số lượt đào tạo ATSKMT cho người lao động 2012 - 2015



*: Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

cán bộ sức khỏe và cán bộ môi trường theo 5 lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Tập đoàn hiện nay. Các khóa học này đáp ứng được các yêu cầu của Chuẩn cán bộ An toàn Sức khỏe Môi trường của Tập đoàn. Ngoài ra, công tác trao đổi kinh nghiệm, cập nhật các thông tin khoa học công nghệ mới, đánh giá kết quả hoạt động bảo vệ môi trường được thực hiện thông qua các hoạt động của Tiểu ban Khoa học Công nghệ về ATSKMT và Hội nghị thường niên về ATSKMT của Tập đoàn.

Trong công tác ATSKMT, Tập đoàn chú trọng đến công tác đào tạo các khóa:

- Nâng cao nhận thức về ATSKMT cho người lao động: Các vấn đề chung về an toàn vệ sinh lao động, giám sát môi trường lao động, sử dụng trang thiết bị, phương tiện bảo hộ cá nhân, sơ cấp cứu cơ bản, phòng chống tác hại nghề nghiệp do các sản phẩm của công nghiệp dầu khí;
- Nâng cao kiến thức về ATSKMT cho các cán bộ làm công tác ATSKMT: Quản lý an toàn hiện đại, quản lý tình huống khẩn cấp, điều tra tai nạn sự cố, đánh giá rủi ro, ứng phó trong các tình huống khẩn cấp và phòng chống cháy nổ...;
- Đào tạo kiểm toán viên, xây dựng đội ngũ tư vấn và tổ chức các chương trình nghiên cứu khoa học liên quan đến nội dung sử dụng hợp lý các nguồn lực trong sản xuất kinh doanh phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động cốt lõi.

Tập đoàn luôn khuyến khích các đơn vị cơ sở chủ động đào tạo và tự đào tạo các cán bộ, chuyên gia ATSKMT có đủ khả năng thay thế các chuyên gia

nước ngoài ở các lĩnh vực đặc thù như điều hành giàn khoan, chống phun trào (PVD, VSP, CLJOC...) an toàn công nghệ, quản lý toàn vẹn, kiểm định trên cơ sở rủi ro... (BSR, PVFCCo...).

Tập đoàn đã cử cán bộ tham gia khóa đào tạo đánh giá viên trưởng về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 của Viện Tiêu chuẩn Anh, an toàn công nghệ của PetroSkills, an toàn hóa chất cùng các khóa học nâng cao khác.

Đồng thời, các đơn vị cơ sở thực hiện tổ chức huấn luyện an toàn cho người sử dụng lao động, cán bộ ATSKMT, người lao động, khách thăm quan và nhà thầu theo các hình thức huấn luyện an toàn bao gồm:

- Huấn luyện lần đầu về an toàn cho người mới tuyển dụng, trước khi giao việc hoặc trước khi chuyển sang vị trí công tác mới;
- Huấn luyện và cấp thẻ an toàn lao động cho người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ-VSLĐ;
- Huấn luyện ATSKMT định kỳ;
- Huấn luyện an toàn cho khách thăm quan và nhà thầu.

Trong giai đoạn 2012-2014, các khóa đào tạo tăng dần cả về chất lượng, thời lượng và đa dạng về hình thức đào tạo qua các năm đã góp phần nâng cao ý thức của người cán bộ quản lý và người lao động về công tác ATSKMT, góp phần giảm thiểu rủi ro, tai nạn chết người, đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động của Tập đoàn.



III. QUẢN LÝ RỦI RO



theo đó là thảm họa về cháy nổ, ảnh hưởng đến môi trường, xã hội;

- **Rủi ro tuân thủ:** Tập đoàn phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại nhiều nước trên thế giới như Nga, Algeria, Venezuela... Do đó, việc tuân thủ pháp luật của nước sở tại và pháp luật của Việt Nam là rất quan trọng.

Hệ thống quản lý rủi ro của Tập đoàn bao gồm:

- **Quản lý rủi ro hằng ngày:** Các nhà quản lý và nhân viên tại các công trình dầu khí nhận diện mối nguy và quản lý rủi ro từ các hoạt động hằng ngày nhằm đảm bảo khắc phục phòng ngừa kịp thời, góp phần thúc đẩy các hoạt động an toàn và có độ tin cậy cao. Hệ thống quản lý hoạt động của các đơn vị cơ sở tích hợp với các yêu cầu của Tập đoàn về sức khỏe, an toàn, an ninh, môi trường, trách nhiệm cộng đồng, vận hành tin cậy và các vấn đề liên quan.

- **Quản lý rủi ro kinh doanh và chiến lược:** Rủi ro được xem xét trong các quá trình chính như hoạch định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý hiệu quả các nguồn lực và thẩm định dự án. Việc xem xét này dựa trên việc sử dụng một quá trình chuẩn từ thu thập dữ liệu rủi ro, đánh giá các hoạt động quản lý rủi ro, quá trình cải tiến và lập kế hoạch

thực hiện các hoạt động mới.

- **Giám sát và quản trị:** Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát nội bộ, Ban Kiểm soát nội bộ và các phòng/ban chức năng cùng giám sát để nhận diện các rủi ro chính. Tập đoàn cũng xác định các hành động quản lý và kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro đến mức chấp nhận được.

Với hệ thống quản lý rủi ro như trên, Tập đoàn đã đáp ứng được yêu cầu quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn thế nữa, với định hướng phát triển bền vững, Ban lãnh đạo Tập đoàn quyết tâm xây dựng một hệ thống quản lý rủi ro chuyên nghiệp và mang tính hệ thống, theo các thông lệ và các chuẩn mực quốc tế.

Để hoàn thành nhiệm vụ của Chính phủ giao phó về phát triển và bảo đảm an ninh năng lượng cho sự phát triển đất nước, Tập đoàn tập trung phát triển và sử dụng nguồn tài nguyên dầu khí trong và ngoài nước đồng bộ; đồng thời chủ động tiếp cận phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, duy trì sự hài hòa giữa năng lượng truyền thống và tích cực phát triển nguồn năng lượng cacbon thấp; Hướng tới sự phát triển bền vững của toàn Tập đoàn.



QUẢN LÝ RỦI RO TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoạt động sản xuất - kinh doanh của ngành Dầu khí có tính chất phức tạp, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, quản trị tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động và phát triển của Tập đoàn, các rủi ro luôn tiềm ẩn trong các chiến lược kinh doanh, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong các hoạt động tài chính và quản lý tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Luôn ý thức và hiểu rõ tầm quan trọng của quản lý rủi ro, Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro, trong đó quy định nhất quán và rõ ràng công tác kiểm soát và báo cáo các rủi ro. Bên cạnh đó, Tập đoàn quản lý và giám sát các mối nguy có thể tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong khi vẫn tạo ra các giá trị bền vững. Hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức, các quá trình, tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử của Tập đoàn đã tạo nên một hệ thống kiểm soát nội bộ điều chỉnh phương thức hoạt động và kinh

doanh nói chung và quản lý các rủi ro liên quan nói riêng.

Trong giai đoạn hiện nay, các rủi ro chính của Tập đoàn chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau:

- **Rủi ro chiến lược:** Kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các rủi ro về địa chính trị, suy thoái kinh tế, sử dụng các nguồn năng lượng mới, công nghệ khai thác mới... đặt ra nhiều thách thức cho Tập đoàn trong việc đưa ra chiến lược phát triển đúng đắn;

- **Rủi ro tài chính:** Tập đoàn có nhiều mô hình hoạt động với nhiều tổng công ty và công ty con, liên doanh, liên kết. Điều này tạo ra các rủi ro trong hoạt động tài chính, quản trị kế hoạch ngân sách và dòng tiền phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh;

- **Rủi ro hoạt động:** Hoạt động dầu khí luôn phải đối mặt với các rủi ro như: phun trào, cháy nổ công trình dầu khí... dẫn đến việc nguy hại đến tính mạng, tổn thất tài sản, hư hỏng thiết bị, máy móc và



QUẢN LÝ RỦI RO ATSKMT

Các lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như thăm dò, khai thác dầu khí, lọc hóa dầu, công nghiệp khí, sản xuất điện, dịch vụ kỹ thuật dầu khí là các lĩnh vực có nguy cơ mất an toàn cao nên có thể xảy ra tai nạn, sự cố bất kỳ lúc nào. Để có thể hạn chế thấp nhất thiệt hại về con người, môi trường và tài sản do các sự cố có thể gây ra, Tập đoàn và các đơn vị cơ sở đã xây dựng bộ máy quản lý công tác ứng cứu tai nạn, sự cố (khẩn cấp) xuyên suốt từ cấp Tập đoàn, các đơn vị cơ sở và các công trình dầu khí.

Tập đoàn và các đơn vị cơ sở đều đã xây dựng Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm đối với công tác ứng cứu khẩn cấp được quy định rõ từ các cấp quản lý đến từng người lao động. Tất cả các công trình dầu khí đều đã xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp và được cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt.

Định kỳ từ Tập đoàn đến các đơn vị cơ sở đều tổ chức diễn tập theo các tình huống giả định trong kế hoạch ứng cứu khẩn cấp đã được phê duyệt. Sau khi diễn tập đều tổ chức họp rút kinh nghiệm và bàn bạc các biện pháp hoàn thiện, nâng cao năng lực

trong công tác ứng cứu tình huống khẩn cấp. Ngoài ra, để đảm bảo sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn đã ban hành các hướng dẫn, xây dựng kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp để có thể ứng phó hiệu quả với tất cả các tình huống có thể xảy ra trong tất cả các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn tính mạng con người, tài sản và môi trường. Cụ thể, Tập đoàn tổ chức thực hiện:

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo tình huống khẩn cấp Tập đoàn theo Quyết định số 817/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo tình huống khẩn cấp của Tập đoàn tại Quyết định số 3942/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Duy trì chế độ trực 24/7 đối với Văn phòng trực tình huống khẩn cấp của Tập đoàn;
- Tổ chức Hội thảo rút kinh nghiệm, chia sẻ thông tin các tai nạn, sự cố tại các đơn vị cơ sở trong Tập đoàn vào tháng 7 năm 2014.



IV. NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhân tố con người luôn được đặt lên hàng đầu, là nhân tố quan trọng nhất tạo nên sự thành công và phát triển bền vững của Tập đoàn. Mục tiêu của Tập đoàn là xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp đảm bảo chế độ chính sách và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

Tập đoàn cam kết và đảm bảo 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, thời gian làm việc - nghỉ ngơi và chế độ tiền lương - phúc lợi - chính sách xã hội luôn tuân thủ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 của Việt Nam. Cụ thể:

- Bảo đảm việc làm và bố trí việc làm cho người lao động theo đúng công việc, điều kiện làm việc và thời gian được ký kết trong hợp đồng lao động;
- Có chế độ ưu tiên xem xét, tiếp nhận con của người lao động đã và đang làm việc tại cơ quan Tập đoàn nếu có đủ điều kiện và phù hợp với yêu cầu công việc;
- Có kế hoạch đào tạo người lao động theo yêu cầu của công việc;
- Có chế độ riêng cho người lao động làm việc trong một số lĩnh vực, ngành nghề đặc biệt, người lao động làm việc trên biển;
- Bảo đảm thời giờ làm việc, làm thêm giờ, thời giờ nghỉ ngơi (hàng tuần, lễ, tết, nghỉ phép năm) theo quy định;
- Cam kết tiền lương đảm bảo cuộc sống của người lao động. Mức lương thấp nhất của người lao động không thấp hơn 2 lần mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định/tháng;
- Có tặng quà cho người lao động trong các dịp lễ, tết, sinh nhật, kết hôn...;
- Có hỗ trợ người lao động các chi phí về trang phục, du lịch, ăn ca, phương tiện đi lại, phương tiện liên lạc, đau ốm, sinh con, nghỉ hưu...;
- Đảm bảo 100% người lao động được đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;
- Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động định kỳ ít nhất một lần/năm;
- Bảo đảm người lao động được trang bị đầy đủ, đúng quy định về bảo hộ lao động theo yêu cầu công việc. Hằng năm, Tập đoàn mở các lớp đào tạo cho người lao động về kỹ thuật an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

Công ty Mẹ - Tập đoàn và các đơn vị cơ sở đều ban hành quy chế tuyển dụng lao động để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và tiêu chuẩn hóa các vị trí cần tuyển dụng. Trong đó không phân biệt giới tính của người tham gia tuyển dụng. Tất cả các ứng cử viên tham gia tuyển dụng đều trải qua các bước của quy trình tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng căn cứ trên năng lực thực tế của cá nhân tham gia tuyển dụng và mức độ phù hợp với vị trí tuyển dụng. Chính sách này bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình tuyển dụng lao động của Tập

đoàn và các đơn vị cơ sở.

Người lao động là yếu tố luôn được chú trọng trong quá trình phát triển của Tập đoàn. Tại Công ty Mẹ - Tập đoàn và các đơn vị cơ sở, 100% người lao động đều được ký hợp đồng lao động. Ngoài ra, thông qua tổ chức công đoàn, tập thể người lao động được ký tư thỏa ước lao động với người sử dụng lao động, trong đó xác định quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động, những điều kiện lao động, đặc biệt là những điều kiện có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động. Thỏa ước lao động đã ký sẽ được người lao động giám sát thông qua các cuộc đối thoại định kỳ giữa người lao động và người sử dụng lao động. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung hoặc kéo dài thời hạn của Thỏa ước lao động thì người sử dụng lao động và người lao động sẽ tiến hành thương lượng, bổ sung bằng phụ lục có ký kết của hai bên.

Tập đoàn là nơi có môi trường lao động chuyên nghiệp, có nhiều cơ hội thăng tiến cho người lao động, trong đó người lao động được hưởng các chế độ đãi ngộ phù hợp. Đây là môi trường thu hút lực lượng lao động chất lượng cao. Tổng số người lao động của Tập đoàn tới thời điểm hiện nay là khoảng 60.000 người, trong đó, số lao động nữ là chiếm 24,94%. Với đặc thù là môi trường lao động tập trung vào sản xuất, nhưng 100% lao động nữ đều được nghỉ thai sản theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài các chế độ được hưởng theo quy định của bảo hiểm xã hội, người lao động nữ khi nghỉ thai sản đều được cơ quan hỗ trợ thêm một khoản kinh phí trong thời gian nghỉ, kinh phí này thay đổi tùy thuộc theo chế độ của từng công ty và được ghi rõ trong thỏa ước lao động tập thể của đơn vị.



ĐÀO TẠO, TƯ VẤN, PHÒNG NGỪA DỊCH BỆNH VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhận thức rằng, sức khỏe người lao động là một trong các yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và phát triển của mình, Tập đoàn và các đơn vị cơ sở đã và đang tạo một môi trường làm việc an toàn và bảo đảm sức khỏe cho toàn thể cán bộ, công nhân viên trên các công trình dầu khí từ giàn khoan ngoài khơi cho đến các nhà máy trên bờ, bao gồm cả khối văn phòng.

Ngoài việc xác định, đánh giá và kiểm soát việc phơi nhiễm của các công nhân với hóa chất, các chất độc liên quan đến thể chất, sinh học, tâm sinh lý và hành vi, các bệnh nghề nghiệp như cơ xương khớp, các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm cũng được giám sát và quản lý. Các kế hoạch giảm thiểu các tác nhân độc hại và việc xây dựng nhận thức nhằm thúc đẩy ý thức phòng ngừa bệnh tật cũng như các rủi ro liên quan đến bệnh nghề nghiệp là mục tiêu của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở để bảo đảm sức khỏe tốt nhất cho công nhân viên trong Tập đoàn. Các chương trình đào tạo, tư vấn nhằm nâng cao nhận thức phòng ngừa dịch bệnh tại các đơn vị cụ thể như sau:

- Thực hiện định kỳ các chương trình đào tạo, tư vấn, phòng ngừa dịch bệnh tại các đơn vị cơ sở cho các cán bộ phụ trách ATSKMT về các tiêu chuẩn, hướng dẫn và yêu cầu của bệnh nghề nghiệp, vệ sinh công nghiệp bao gồm đánh giá rủi ro về sức khỏe, giám sát việc phơi nhiễm với hóa chất, giám sát phơi nhiễm tiếng ồn;
- Xây dựng, trình bày các bài thuyết trình định kỳ giữa các tổ, đội tại các giàn, các phân xưởng;
- Phát hành tranh cổ động, các thông điệp về sức khỏe tại nơi làm việc nhằm nâng cao ý thức tự bảo vệ sức khỏe của người lao động. Định kỳ thay đổi các chủ đề sức khỏe của tranh cổ động nhằm cập nhật thêm kiến thức cũng như tạo sự hào hứng mới mẻ cho người lao động;
- 100% các giàn ngoài khơi và các công trình sản xuất trên bờ đều có cán bộ y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho người lao động;
- Cán bộ phụ trách y tế trên các giàn ngoài khơi định kỳ tổ chức các lớp học bồi dưỡng kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân viên nhà bếp.

Đội ứng cứu khẩn cấp y tế được thường xuyên thực tập riêng và kết hợp lồng ghép chung với các đợt diễn tập chung của giàn;

- Các vấn đề dịch bệnh mới phát sinh trên thế giới được Tập đoàn thông báo rộng rãi, kịp thời trên hệ thống thông qua công văn, thư điện tử. Ngoài ra vấn đề này còn được cập nhật, kết hợp lồng ghép phổ biến chung với các nội dung an toàn khác;

- Hệ thống kiểm soát dịch bệnh đối với khu vực ngoài giàn khoan được thiết lập chặt chẽ. Người lao động làm việc ngoài khơi trước khi ra giàn/tàu buộc phải khai báo bệnh sử, tình trạng sức khỏe mới nhất, vùng địa lý cư trú trong thời gian gần nhất nhằm hạn chế sự lây lan của các dịch bệnh mới đang khởi phát từ các khu vực khác (SARS, MERS-COV, Ebola...)

- Quan điểm không chất gây nghiện, không thức uống có cồn được áp dụng triệt để, được đưa vào chính sách ATSKMT của các đơn vị cơ sở. Chốt chặn kiểm tra nồng độ cồn được đặt tại cảng, sân bay nhằm kiểm tra các đối tượng có dấu hiệu sử dụng bia rượu. Các cá nhân bị phát hiện có cồn trong hơi thở sẽ bị từ chối cho phép lên máy bay, tàu;

- Người lao động và khách thăm quan đều thực hiện khai báo tình trạng sức khỏe, bệnh sử, nhóm máu, người/địa chỉ cần liên hệ khi có tình trạng cấp cứu trước khi di chuyển ra giàn ngoài khơi;

- Tiến hành khám sức khỏe định kỳ hằng năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường và 2 lần/năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại. Ngoài ra, đối với người lao động làm việc ngoài khơi sẽ được khám sức khỏe tại các phòng khám quốc tế với những tiêu chuẩn cao hơn, khắt khe hơn so với người làm việc trên bờ. Người lao động nữ ngoài khám sức khỏe định kỳ hằng năm còn được khám chuyên khoa;

- Các đề tài, nghiên cứu đang được triển khai nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý sức khỏe, bệnh tật của Tập đoàn gồm: "Xây dựng chuẩn sức khỏe cho người làm việc trên các công trình dầu khí ngoài khơi biển Việt Nam" và "Khảo sát, đánh giá hiện trạng điều kiện lao động và xác định danh mục nghề/công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong Tập đoàn".

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

Tuân thủ quy định của Luật Công đoàn và các quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi của người lao động, Tập đoàn đã tổ chức thành lập công đoàn tại tất cả các cấp trong Tập đoàn để đại diện cho toàn thể người lao động trong Tập đoàn. Hoạt động của công đoàn các cấp vừa đảm bảo tính độc lập vừa tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Đảng ủy, của Tổng Liên đoàn Lao động và có sự phối hợp chặt chẽ với chuyên môn, đảm bảo sự chỉ đạo, sự triển khai nhịp nhàng, đồng bộ trong các cấp công đoàn.

Các hoạt động của Công đoàn Dầu khí Việt Nam và công đoàn các cấp tập trung vào các hoạt động chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho người lao động, đẩy mạnh công tác tư vấn pháp luật, thăm hỏi, động viên người lao động. Lãnh đạo Tập đoàn chủ động phối hợp với các cấp công đoàn trong Tập đoàn tổ chức đối thoại với đại diện tập thể người lao động định kỳ theo đúng quy định của pháp luật thông qua Hội nghị người lao động, Hội nghị giao ban tháng, sơ kết quý, sơ kết 6 tháng. Một số đơn vị tổ chức đối thoại với đồng đảo người lao động và phát huy tốt quyền dân chủ trực tiếp của người lao động. Việc tổ chức Hội nghị đối thoại đã tăng việc nắm bắt thông tin hai chiều, tăng cường sự gắn bó giữa người sử dụng lao động và người lao động, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định tiến bộ tại nơi làm việc; giúp cho người sử dụng lao động kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động, chia sẻ những vướng mắc của người lao động, từ đó góp phần tạo tâm lý ổn định cho người lao động yên tâm công tác.

Công đoàn đã phối hợp với chính quyền các cấp triển khai nhiều hoạt động nhằm đảm bảo đời sống, quyền lợi cho người lao động, trong đó tham gia tuyên truyền, tổ chức huấn luyện đảm bảo an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) và phòng chống cháy nổ, đặc biệt đối với người lao động làm việc trong điều kiện nghiêm ngặt về an toàn, môi trường độc hại.

Công đoàn Dầu khí Việt Nam triển khai tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về ATVSLĐ bằng nhiều hình thức phong phú thông qua các hội thi an toàn vệ sinh viên giỏi 2 năm/lần, phát hàng nghìn tờ rơi về ATVSLĐ, các tài liệu hướng

dẫn nghiệp vụ cán bộ công đoàn làm công tác bảo hộ lao động cho cơ sở và thường xuyên tổ chức lớp tập huấn về bảo hộ lao động và ATVSLĐ. Bên cạnh đó, Công đoàn Dầu khí Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Ban ATSKMT Tập đoàn trong hoạt động kiểm tra, giám sát công tác ATVSLĐ định kỳ tại các đơn vị cơ sở, cũng như trong phát động các phong trào hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia ATVSLĐ-PCCN hằng năm.

Với mục tiêu gắn bảo hộ lao động với bảo vệ môi trường và văn hóa trong sản xuất, nhiều năm qua Tập đoàn được đánh giá là đơn vị thực hiện tốt công tác đảm bảo ATVSLĐ, hạn chế thấp nhất xảy ra tai nạn lao động và cháy nổ, số lượng các vụ tai nạn và số người bị tai nạn giảm đáng kể đã góp phần quan trọng thúc đẩy hoạt động sản xuất của Tập đoàn ngày càng phát triển.



V. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂNG LƯỢNG

QUAN ĐIỂM CỦA TẬP ĐOÀN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tập đoàn là một doanh nghiệp Nhà nước, vì vậy quan điểm và nhận thức của Chính phủ Việt Nam liên quan tới biến đổi khí hậu (BĐKH) cũng chính là quan điểm và nhận thức của Tập đoàn.

Tập đoàn thừa nhận sự đồng thuận khoa học về biến đổi khí hậu do con người gây ra và hỗ trợ các nỗ lực của Liên Hiệp Quốc và các quốc gia thành viên để thống nhất và thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các can thiệp tiêu cực do con người gây ra cho khí quyển của trái đất. Tập đoàn xác nhận trách nhiệm và nghĩa vụ của mình liên quan tới BĐKH mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết, bao gồm việc cắt giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính đến năm 2030.

BĐKH đặt Tập đoàn trước những rủi ro tài chính và kinh tế sau:

- Chi phí năng lượng tăng do phải đầu tư các biện pháp nâng cao hiệu quả quá trình, lắp đặt thiết bị công nghệ mới và giảm lượng khí thải.
- Chi phí bảo hiểm tăng do gia tăng phí bảo hiểm.

- Luật pháp:

- Tăng chi phí điều tiết lượng khí thải carbon theo các công ước quốc tế về khí thải cho các hoạt động lọc dầu;
- Sức ép của chính quyền về vấn đề giảm thiểu đốt bỏ khí.

- Hạn chế cho phép thải carbon trong sản xuất và yêu cầu các hoạt động này phải có giấy phép.

- Tăng chi phí để giải quyết các vụ khiếu kiện có thể xảy ra trong tương lai liên quan tới BĐKH.

- Gia tăng nỗ lực giảm tiêu thụ năng lượng.

- Thay đổi công nghệ do tăng tính cạnh tranh của năng lượng tái tạo và triển vọng về sử dụng nguồn tài nguyên chưa thể tiếp cận sẽ trở nên khả thi về mặt thương mại.



HÀNH ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Xây dựng chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu

Nhận thức trách nhiệm trong việc giảm thiểu các khí thải nhà kính (GHGs) từ các hoạt động của mình cũng như xây dựng các giải pháp để từng bước thích nghi với BĐKH và bảo đảm duy trì phát triển bền vững, Tập đoàn đang trong quá trình xây dựng một chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. Mục tiêu của chương trình này là:

- Nâng cao nhận thức của tất cả người lao động trong Tập đoàn về các rủi ro, thách thức của BĐKH đối với các hoạt động đầu khí.

- Xây dựng chương trình sử dụng hiệu quả năng lượng, giảm phát thải GHGs.

- Đề xuất các giải pháp từng bước thích ứng với BĐKH, bao gồm các giải pháp giảm thiểu rủi ro do BĐKH tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, trong đó quan tâm thích đáng tới các rủi ro tài chính và kinh tế.

- Đến 2020, Tập đoàn tự thực hiện kiểm kê GHGs trong các lĩnh vực hoạt động chính của ngành phù hợp với hướng dẫn của UN-FCCC.

Thực hiện đầy đủ nội dung chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ là một bước tiến quan trọng của Tập đoàn trên con đường phát triển và hội nhập theo tiêu chí "phát triển bền vững" của mình.





Thực hiện cơ chế phát triển sạch (CDM)

Tập đoàn đã hợp tác với các đối tác quốc tế xây dựng Dự án Thu gom khí đồng hành mỏ Rạng Đông theo cơ chế phát triển sạch. Trước năm 2001, khí đồng hành từ mỏ Rạng Đông bị đốt bỏ ngoài khơi. Sau đó, Tập đoàn đã hợp tác cùng các đối tác của dự án (PVEP, Công ty Dầu khí Nhật - Việt và ConocoPhillips) tiến hành thu gom khí đồng hành để dẫn vào bờ sử dụng cho các nhà máy công nghiệp. Dự án này nhằm tránh đốt bỏ khí đồng hành gây phát thải khí nhà kính và tăng thêm nguồn nhiên liệu cho khu chế biến khí tại Dinh Cố và khu công nghiệp Phú Mỹ. Với nỗ lực này, dự án đã chính thức được Liên Hiệp Quốc phê duyệt và trở thành dự án phát triển theo cơ chế phát triển sạch (CDM) tiên phong trên thế giới thuộc loại này. Dự án đã giảm thiểu được 8,85 triệu tấn khí CO₂ phát thải vào môi trường cho giai đoạn hoạt động 2001-2011, tương đương 8,85 triệu chứng chỉ giảm phát thải (CERs).



Hạn chế đốt bỏ và triệt để thu hồi, sử dụng khí đồng hành và dầu thô

Tập đoàn đã thành công trong việc hạn chế đốt bỏ và triệt để thu hồi, sử dụng khí đồng hành. Năm 2014 lượng khí bị đốt bỏ của Tập đoàn chỉ chiếm 0,14% sản lượng khí khai thác. Đây là một tỷ lệ ấn tượng nếu so sánh với các quốc gia dầu khí khác. Với trách nhiệm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong các hoạt động của mình, Tập đoàn thông qua các đơn vị cơ sở xây dựng hệ thống đường ống thu gom hợp lý và tối đa lượng khí đồng hành từ các mỏ ngoài khơi, góp phần gia tăng lượng khí khai thác hằng năm, giảm thiểu lượng khí nhà kính (GHGs) phát thải do đốt bỏ không hiệu dụng khí đồng hành.



Sử dụng năng lượng carbon thấp

Khí tự nhiên (KTN) là một nguồn tài nguyên phong phú phát thải ít CO₂ so với các nhiên liệu hóa thạch khác và có ý nghĩa tích cực về kinh tế và môi trường. Trong giai đoạn 2012 - 2014, sản lượng khai thác KTN của Tập đoàn tăng hàng năm từ 9,36 tỷ m³ vào năm 2012 lên 10,21 tỷ m³ vào năm 2014. KTN chiếm khoảng 37% sản lượng năng lượng của Tập đoàn trong năm 2014. Một phần lượng KTN khai thác đã được Tập đoàn dùng để vận hành 4 nhà máy nhiệt điện với tổng công suất 2.700MW góp phần bảo đảm cung cấp điện cho quốc gia vừa góp phần giảm thiểu đáng kể phát thải GHGs.

Tiết kiệm năng lượng - sản xuất sạch hơn

Năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả được Việt Nam rất chú trọng trong xây dựng phát triển kinh tế. Nhiều văn bản pháp lý quan trọng được ban hành như "Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050; Luật Khoáng sản các năm 1996, 2005 và 2010; Luật Điện lực; Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2006 - 2015".

Nhận thức được tầm quan trọng trong phát triển năng lượng cũng như tiết kiệm năng lượng, Tập đoàn đã tích cực triển khai mạnh mẽ chiến lược phát triển hạ tầng năng lượng, đồng thời chủ trương thực hiện các

biện pháp tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động dầu khí nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và đảm bảo sử dụng hiệu quả tiết kiệm nguồn năng lượng quốc gia.

Với 5 lĩnh vực hoạt động cốt lõi và nhiều dịch vụ phụ trợ kèm theo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được Tập đoàn đưa lên hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh doanh. Nhiều đơn vị cơ sở đã thực hiện xây dựng hệ thống quản lý năng lượng, lập báo cáo kiểm toán năng lượng hằng năm như BSR, PVFCCo, PV Power... xây dựng và áp dụng nhiều giải pháp thực thi tiết kiệm năng lượng mang lại hiệu quả kinh tế.

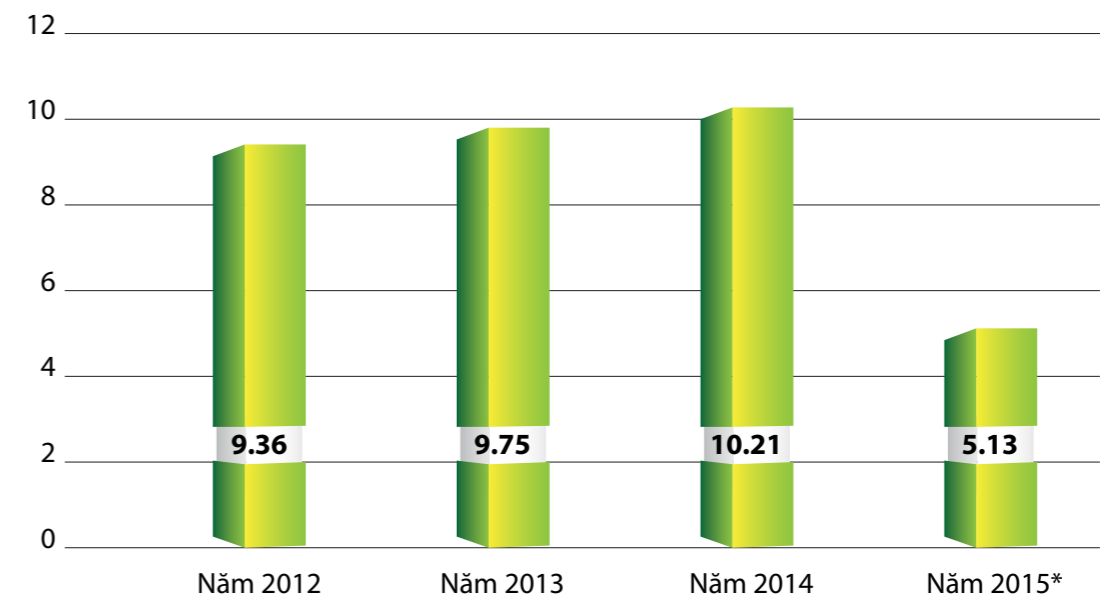
Công tác tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng luôn là nội dung quan trọng

được Tập đoàn triển khai trong nhiều năm qua. Cụ thể:

- Về lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí: Tập đoàn chỉ đạo thực hiện nghiên cứu đảm bảo hầu hết lượng khí khai thác được từ các mỏ đều được thu gom xử lý và đưa về bờ hoặc tiến hành bơm ép xuống mỏ nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu và khai thác tận thu các mỏ ở giai đoạn cuối, không đốt bỏ gây lãng phí và làm ô nhiễm môi trường. Các nhà thầu, đơn vị khai thác dầu khí ngoài khơi tập trung chuyển đổi hệ thống năng lượng từ việc thay thế các máy phát điện sử dụng dầu diesel sang sử dụng khí đồng hành tập trung tại các giàn khai thác trung tâm và cấp điện cho các vệ tinh thông qua hệ thống cáp ngầm, hạn chế đáng kể phát thải và tiết kiệm chi phí năng lượng.

Ngoài ra, các đơn vị cơ sở như PVEP thực hiện các giải pháp

Sản lượng khí tự nhiên khai thác 2012 - 2015 (tỷ m³)



*: Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

nhằm mục tiêu tiết kiệm năng lượng, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý như: Ưu tiên sử dụng các nguyên/nhiên liệu thân thiện hơn với môi trường; Ưu tiên sử dụng các công nghệ xử lý môi trường theo chu trình khép kín, xem xét vấn đề đốt khí đồng hành tại mỏ Hàm Rồng; VSP thực hiện giải pháp "Xây dựng mô hình, phương pháp mô phỏng rung của tổ máy nén - turbine và ứng dụng trong thực tế" đã tiết kiệm được hơn 1,4 triệu USD.

• Về lĩnh vực khí: PV Gas và Công ty Tokyo Gas ký Biên bản ghi nhớ liên quan đến việc thực hiện các nghiên cứu khả thi về giải pháp tiết kiệm năng lượng trong sử dụng khí thiên nhiên, cụ thể là cung cấp dịch vụ tiết kiệm năng lượng tại các hộ tiêu thụ công nghiệp sử dụng khí thiên nhiên và kinh doanh LNG qua hệ thống các trạm tiếp nhận, hóa khí và phân phối LNG vệ tinh (tháng 12/2014). Ngoài ra, với nhiều sáng kiến hữu ích như cải tiến sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu, năng lượng, hàng năm PV Gas đã tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm khoảng 200 tỷ đồng.

• Về lĩnh vực lọc hóa dầu: Tổn hao năng lượng trong nhà máy lọc dầu là một vấn đề rất lớn, do nhà máy phải tự sản xuất điện, hơi, khí để phục vụ cho từng công đoạn vận hành nên việc tiết kiệm năng lượng có đóng góp to lớn vào hiệu quả kinh tế của đơn vị. BSR đã thực hiện nghiên cứu tối ưu hóa năng lượng cho toàn bộ NMLD Dung Quất, bao gồm đánh giá thực trạng hệ thống quản lý, giám sát tiêu thụ năng lượng; Thực trạng tiêu thụ năng lượng, xác định các cơ hội tối ưu hóa không yêu cầu chi phí đầu tư hoặc chi phí nhỏ. Dự kiến việc tối ưu hóa này cho phép giảm chỉ số tiêu thụ năng lượng (EII) 100-101 như hiện tại xuống còn 97-98, tương đương tiết kiệm 7-10 triệu USD/năm. Khi triển khai đợt bảo dưỡng tổng thể lần 3, BSR sẽ tiếp tục đầu tư cải hoán hệ thống năng lượng của NMLD Dung Quất để tiếp tục giảm EII xuống dưới 90. Ngoài ra, BSR còn thành lập Ban Tiết kiệm năng lượng sản xuất để giám sát quá trình sử dụng điện, nước trong vận hành sản xuất. Năm 2015, BSR đã vinh dự được trao Cúp "Thương hiệu xanh bền vững".

Cùng với việc sử dụng công nghệ, thiết bị hiện

đại, có chỉ số phát thải thấp và áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001-2004, PVFCCo đã ban hành Quy chế quản lý năng lượng nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như đào tạo cán bộ quản lý năng lượng, tham quan học hỏi và trao đổi kinh nghiệm thực tế về mô hình thực hiện của Trung tâm Quản lý năng lượng ECCJ và Nhà máy Lọc dầu Chiba (Nhật Bản). PVFCCo đã đặt ra các mục tiêu tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và kinh doanh trong từng giai đoạn như tiết kiệm từ 1- 3% nhiên liệu tiêu thụ; tiết kiệm từ 0,5 - 1% tổng nhiên liệu để sản xuất 1 tấn urê so với mức 0,2537 TOE/tấn urê của năm 2013; cải tiến liên tục để tiết kiệm 1,5% kWh/đơn vị sản phẩm; Nhà máy Đạm Phú Mỹ thuộc PVFCCo đã tổ chức thu gom CO₂ dư bổ sung cho dây chuyền sản xuất urê và đã tăng sản lượng urê thêm 60 ngàn tấn/năm và hiện đang đầu tư bổ sung một dây chuyền thu gom và sản xuất CO₂ sạch cung cấp cho công nghiệp thực phẩm.

PVFCF đã tổ chức nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các giải pháp tiết kiệm tối thiểu 5% năng lượng của Nhà máy Đạm Cà Mau so với năm đầu

hoạt động.

• Về lĩnh vực điện: PV Power đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện như tận dụng tối đa nguồn sáng tự nhiên; thay thế các thiết bị thông thường bằng các thiết bị tiết kiệm điện; bố trí các thiết bị sử dụng điện năng một cách khoa học; Lắp đặt thêm các thiết bị phụ trợ nâng cao hiệu suất điện; thường xuyên bảo trì, cải tạo mạng lưới điện, đồng thời vận hành và quản lý kỹ thuật tốt để tránh lãng phí điện năng, thực hiện hợp tác quốc tế để nghiên cứu tiết kiệm năng lượng về nhiên liệu. PV Power Cà Mau đã tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng được 48,62 tỷ đồng.

• Về lĩnh vực dịch vụ dầu khí: Các tòa nhà dầu khí đã chú trọng công tác tiết kiệm điện nhằm giảm chi phí vận hành. Tòa nhà trụ sở Tập đoàn, tòa nhà Văn phòng đại diện Tập đoàn tại phía Nam, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, trụ sở PVcomBank, PETROSETCO, PV Gas... sau một năm thực hiện công tác tiết kiệm, lượng điện tiêu thụ đã giảm 10-20%.



PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO



Thủy điện

Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt có tổng vốn đầu tư hơn 300 tỷ đồng, công suất 3,2MW, cung ứng đến 1/3 lượng điện cho tỉnh Bắc Kạn. Năm 2013, sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt đạt khoảng 9 triệu kWh điện. Năm 2014, sản lượng điện sản xuất của nhà máy đạt 16,4 triệu kWh.

Nhà máy Thủy điện Đakđrinh tại tỉnh Quảng Ngãi có tổng vốn đầu tư 4.911 tỷ đồng, công suất 125MW được phát điện hòa vào lưới điện quốc gia vào ngày 23/5/2013 (tổ máy 1) và ngày 26/8/2014 (tổ máy 2). Dự kiến sản lượng điện hằng năm đạt 540,925 triệu kWh.

Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án thủy điện lớn nhất của Tập đoàn với tổng vốn đầu tư gần 7.000 tỷ đồng, công suất 180MW và sản lượng điện trung bình hằng năm là 712,7 triệu kWh. Nhà máy được xây dựng tại tỉnh Nghệ An và chính thức phát điện, hòa lưới quốc gia vào năm 2013. Tới nay, cả 2 tổ máy đã phát điện an toàn với sản lượng trung bình mỗi ngày đạt hơn 2 triệu kWh.



Phong điện

Nhà máy Phong điện Phú Quý được xây dựng trên huyện đảo Phú Quý (tỉnh Bình Thuận) với tổng mức đầu tư 335 tỷ đồng, công suất phát điện là 6MW, cho lượng điện sản xuất bình quân hằng năm khoảng 1 triệu kWh. Đây là mô hình đầu tiên trên thế giới vận hành hỗn hợp giữa hai hệ thống gió - diesel với tỷ lệ công suất gió/diesel là 6MW/3MW. Hiện nay cả 3 tổ máy của Nhà máy Phong điện đều hoạt động tốt ở chế độ tải 40 - 50% công suất, dự kiến tăng tỷ lệ gió/diesel đến 70/30 để phát huy hết tiềm năng của gió và hiệu quả của nhà máy.

Ngoài ra, Dự án Phong điện Hòa Thắng của Tập đoàn đang nghiên cứu đầu tư cũng tại tỉnh Bình Thuận. Dự kiến, dự án được triển khai làm 2 giai đoạn, giai đoạn 1 có công suất 49,5MW với tổng mức đầu tư 100 triệu USD; giai đoạn 2 có công suất 36MW.



Nhiên liệu sinh học

Nhận thức đầy đủ ý nghĩa của một nền kinh tế ít tiêu thụ cacbon như một phần của chiến lược quốc gia nhằm giảm thiểu sự biến đổi khí hậu, Tập đoàn đã đầu tư 3 nhà máy ethanol ở Phú Thọ, Quảng Ngãi và Bình Phước. Khi đi vào hoạt động ổn định với 100% công suất, ba nhà máy này sẽ cung cấp ra thị trường mỗi năm khoảng 300.000 m³ ethanol đủ để pha chế được 6 triệu m³ xăng E5, tương đương với 94% nhu cầu tiêu thụ xăng của cả nước năm 2014.

Đến nay, hai trong số ba nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học của Tập đoàn tại Quảng Ngãi và Bình Phước đã bắt đầu có sản phẩm thương mại. Hoạt động phân phối xăng E5 cũng được mở rộng. Đến cuối năm 2014 toàn hệ thống PV Oil đã có 276 cửa hàng xăng dầu bán xăng E5 tại 52 tỉnh thành trên cả nước. Sản lượng tiêu thụ xăng E5 năm 2014 đạt 61 nghìn m³.

Việc thực hiện các dự án năng lượng tái tạo là một trong những cố gắng thể hiện nhận thức và trách nhiệm của Tập đoàn trong việc thực hiện các hành động quản lý rủi ro do biến đổi khí hậu. Tổng hợp các dự án năng lượng tái tạo của Tập đoàn được thống kê dưới đây.

Thủy điện	Nhà máy Thủy điện Hủa Na	180 MW	7.065 tỷ đồng
	Nhà máy Thủy điện Đakđrinh	125 MW	3.423 tỷ đồng
	Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt	3,2 MW	300 tỷ đồng
Phong điện	Dự án Phong điện Phú Quý	6,0 MW	335 tỷ đồng
	Dự án Phong điện Hòa Thắng	85,5 MW	2.240 tỷ đồng (giai đoạn 1)
Nhiên liệu sinh học	Nhà máy Bioethanol Dung Quất	100.000 m ³ ethanol/năm	1.887 tỷ đồng
	Nhà máy Bioethanol Bình Phước	100.000 m ³ ethanol/năm	1.893 tỷ đồng
	Nhà máy Bioethanol Phú Thọ	100.000 m ³ ethanol/năm	2.484 tỷ đồng

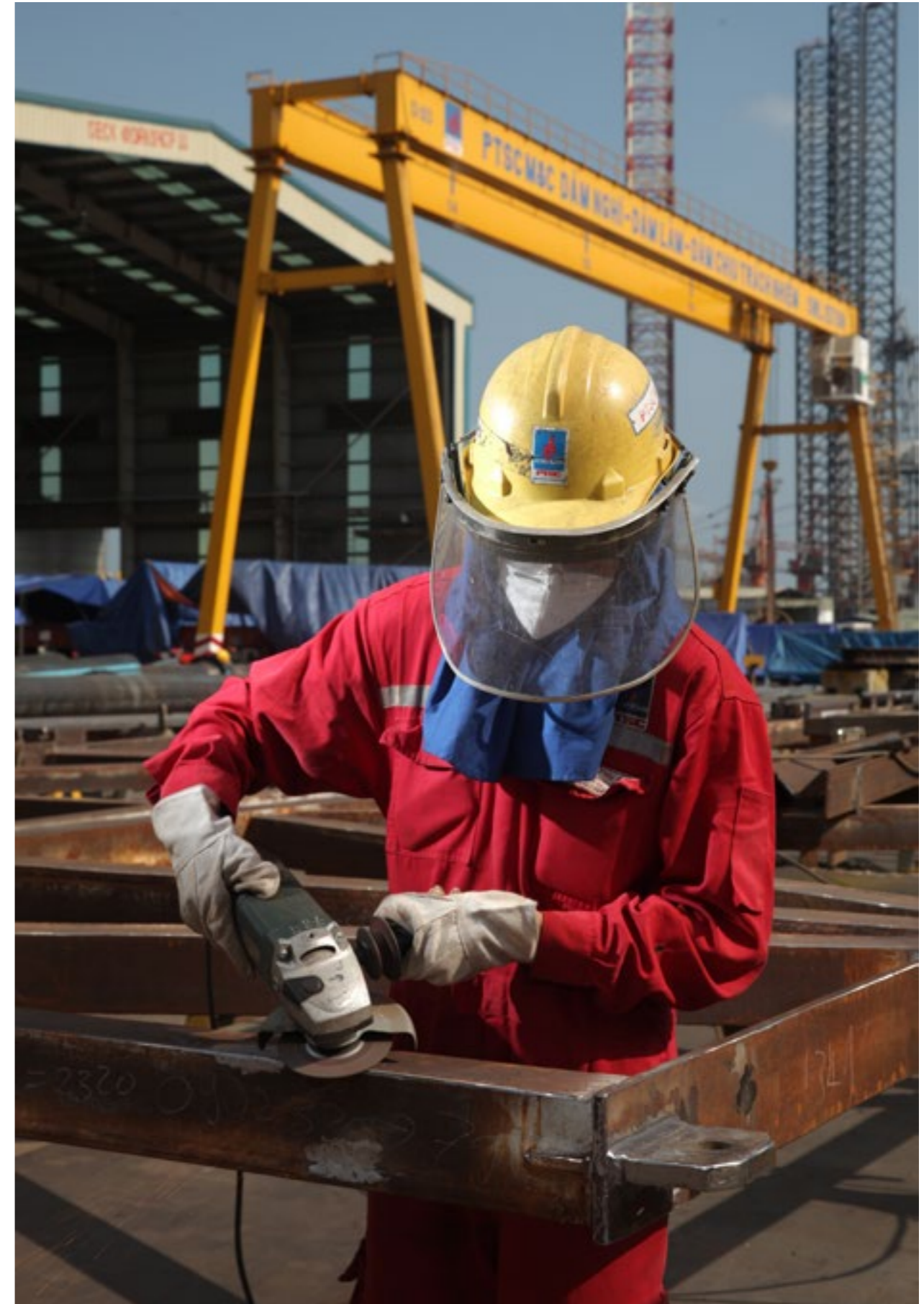


CẢI TIẾN, NÂNG CẤP CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VỀ CÁC KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn luôn đi đầu trong công tác bảo vệ môi trường thông qua việc áp dụng các giải pháp quản lý tiên tiến kết hợp với cải tiến chất lượng sản phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường, trong đó việc nâng cao chất lượng xăng dầu từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và sản xuất xăng E5 là các điển hình.

Sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất theo phương án thiết kế ban đầu sẽ sản xuất các dòng sản phẩm theo tiêu chuẩn EURO2. Tuy nhiên, sau 8 năm đi vào sản xuất, sản phẩm của nhà máy đã liên tục được cải tiến tương đương với tiêu chuẩn EURO3. Cụ thể, chất lượng xăng được sản xuất từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất hiện nay có hàm lượng chì đảm bảo nhỏ hơn 0,01mg/l, lưu huỳnh là 135ppm không tới 1/3 so với quy chuẩn

QCVN 1:2009/BKHCN. Cũng như xăng, dầu diesel do Nhà máy Lọc dầu Dung Quất sản xuất có hàm lượng lưu huỳnh thấp, khí thải ít gây độc hại, với hàm lượng lưu huỳnh dao động trong khoảng 202 - 211 ppm trong khi quy định của QCVN 1:2009/BKHCN là 500 ppm. Sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001:2008 và nhận được Huy chương Vàng tại Hội chợ Dầu khí thế giới năm 2011. Trong năm 2015, với việc xây dựng bổ sung phân xưởng thu hồi lưu huỳnh, sản phẩm của nhà máy dự kiến sẽ tiếp tục được nâng cấp, đạt tiêu chuẩn EURO5 vào năm 2021. Điều này đồng nghĩa với việc giảm từ 30-50% lượng phát sinh các khí thải trong tiêu thụ sản phẩm nhiên liệu của nhà máy.



VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ATSKMT GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

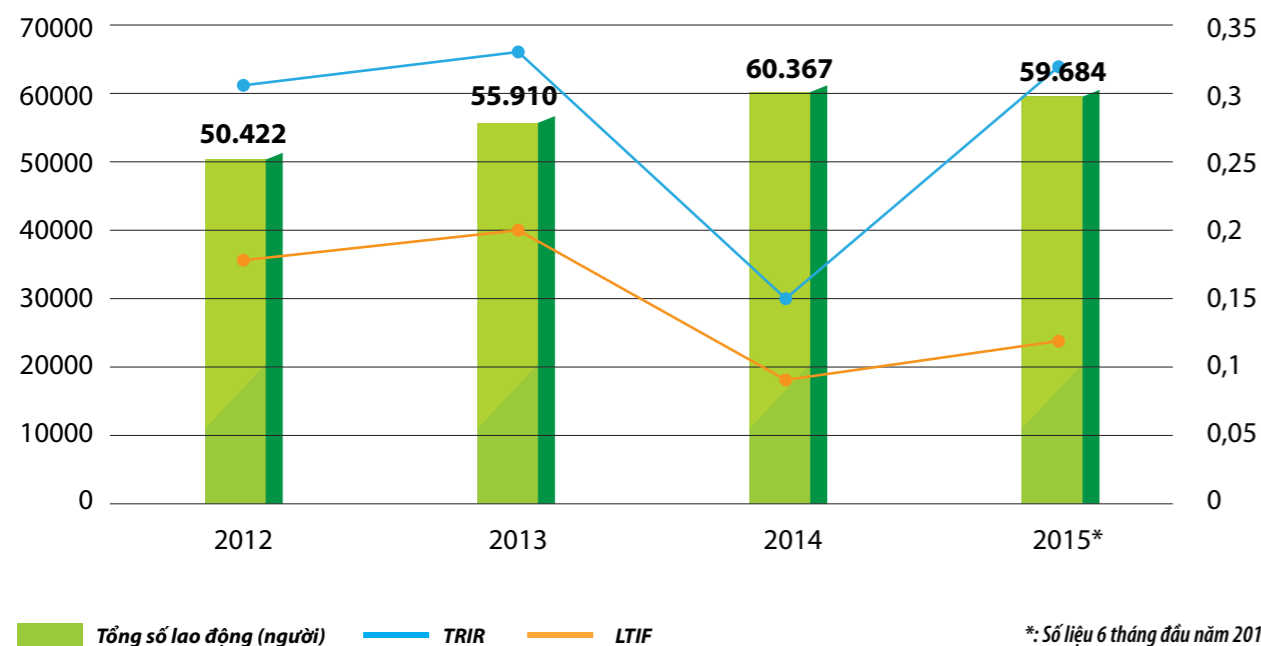
AN TOÀN SỨC KHỎE

Thống kê chỉ tiêu tai nạn, sự cố giai đoạn 2012 - 2015

Nội dung	Năm	2012	2013	2014	2015*
Tổng số lao động (người)		50.422	55.910	60.367	59.684
Số giờ làm việc (triệu giờ)		127,2	116,45	142,5	65,744
Tổng số tai nạn ghi nhận được / triệu giờ làm việc (TRIR)		0,31 x 10 ⁻⁶	0,33 x 10 ⁻⁶	0,15 x 10 ⁻⁶	0,32 x 10 ⁻⁶
Số tai nạn mất ngày công / triệu giờ làm việc (LTIF)		0,18 x 10 ⁻⁶	0,20 x 10 ⁻⁶	0,09 x 10 ⁻⁶	0,12 x 10 ⁻⁶

*: Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

Thống kê chỉ số an toàn giai đoạn 2012 - 2015



*: Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

Nhìn chung, giai đoạn 2012 - 2015, công tác ngăn chặn, phòng ngừa tai nạn lao động đạt kết quả tốt; Các nhà máy, công trình dầu khí trọng điểm được vận hành ổn định, liên tục, không có tai nạn sự cố, cháy nổ nghiêm trọng; Nhiều công trình dầu khí mới được đưa vào vận hành an toàn; Tần suất tai nạn lao động duy trì ở mức thấp.

Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho các dự án và công trình dầu khí, trong giai đoạn 2012 - 2015, Tập đoàn đã thực hiện một số công việc, cụ thể như sau:

- Lập và trình phê duyệt các tài liệu quản lý an toàn theo quy định của quy chế quản lý an toàn trong các hoạt động dầu khí;
- Đăng ký, kiểm định cho các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động trước khi đưa vào vận hành;
- Thực hiện thỏa thuận và thẩm duyệt thiết kế về PCCC cho các công trình và dự án dầu khí;
- Kiểm định trang thiết bị PCCC; lập và trình phê duyệt phương án chữa cháy cơ sở; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Một số công tác nổi bật trong lĩnh vực quản lý BVMT như sau:

- Lập và trình cơ quan quản lý nhà nước về môi trường thẩm định, phê duyệt các báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết/kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án;
- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, rà soát các đơn vị cơ sở về chấp hành quy định pháp luật trong công tác BVMT;
- Thực hiện đầy đủ các quy định về giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải (đặc biệt chất thải nguy hại), nộp phí bảo vệ môi trường...



ỨNG PHÓ KHẨN CẤP

Mục tiêu công tác ứng phó khẩn cấp là “Nâng cao năng lực và khả năng ứng phó trong tình huống khẩn cấp; Ứng phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết”. Trong giai đoạn vừa qua, Tập đoàn và các đơn vị cơ sở tiến hành nghiêm túc công tác lập và trình cơ quan quản lý nhà nước các kế hoạch UCKC, kế hoạch UPSCTD cho các công trình và dự án dầu khí. Công tác kiểm tra hoạt động sẵn sàng ứng cứu khẩn cấp, phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại các đơn vị cơ sở được Tập đoàn tiến hành định kỳ.

Diễn tập ứng phó các sự cố UCKC, sự cố UPSCTD cũng là hoạt động được Tập đoàn chú trọng thực hiện. Một số đợt diễn tập đã được tổ chức tại Vietsovpetro và Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, qua đó huấn luyện khả năng ứng phó nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại, trong đó bao gồm các hệ lụy về môi trường khi xảy ra sự cố. Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, Tập đoàn luôn sẵn sàng ứng phó kịp thời các sự

cố nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản, môi trường và đặc biệt không tổn hại về tính mạng con người.

Trong giai đoạn 2012 - 2015, Tập đoàn đã tổ chức ứng cứu thành công các tình huống khẩn cấp điển hình sau:

- Tổ chức di chuyển 35 cán bộ đang làm việc trên giàn Key Hawaii bị mắc cạn trong cơn bão số 8 tại Vịnh Bắc Bộ năm 2013.
- Hóa giải thành công nguy cơ va đâm vào giàn Đại Hùng 1, 2 do tàu Free Hero bị chết máy và trôi dạt trên vùng mỏ Đại Hùng tháng 12 năm 2013.
- Huy động lực lượng tổ chức ứng cứu và khắc phục sự cố rò rỉ khí tại điểm đầu nối KP 75 của Hệ thống đường ống khí Nam Côn Sơn năm 2014.
- Tổ chức ứng cứu xà lan rải ống đang thi công đường ống dẫn khí Hàm Rồng - Thái Bình bị đứt neo trong cơn bão số 1 năm 2015.



VII. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

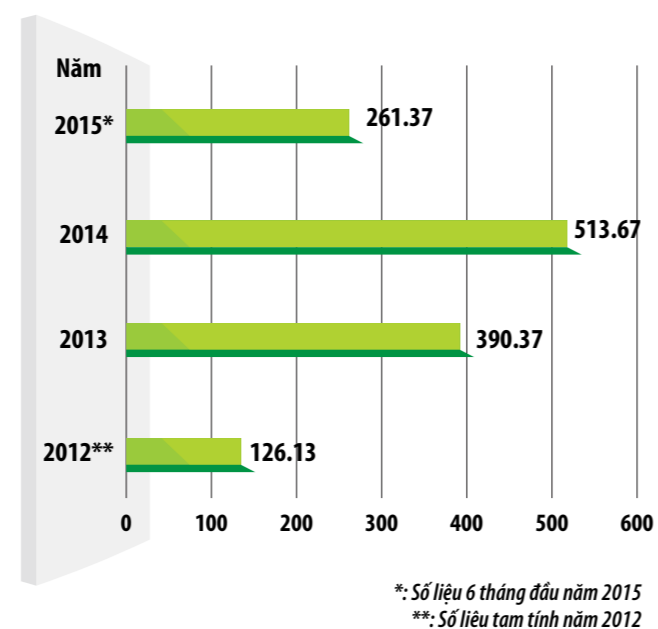
NĂNG LƯỢNG, NHIÊN LIỆU, NGUYÊN LIỆU CHÍNH ĐÃ TIÊU THỤ

Sử dụng năng lượng điện

Từ năm 2012 đến 2014, nhu cầu sử dụng năng lượng điện hằng năm của Tập đoàn đang có xu hướng tăng, trong đó lượng điện tiêu thụ trong năm 2014 là 513,67 triệu kWh đã tăng 31,6% so với năm 2013, tương ứng với sự mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh của Tập đoàn trong giai đoạn này.

Hiện nay, Tập đoàn đã từng bước nghiên cứu áp dụng các giải pháp tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả, tiến hành các dự án kiểm toán năng lượng trong Tập đoàn nhằm đạt được mục tiêu tập đoàn kinh tế vững mạnh và phát triển bền vững. Một số dự án về tiết kiệm năng lượng đã được triển khai thực hiện như: hoàn thành kiểm toán năng lượng và xây dựng báo cáo đầu tư các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1; Khách sạn Dầu khí PTSC tại Vũng Tàu; Khách sạn VSP Đà Lạt; Hoàn thành khảo sát, đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng cho VSP, PTSC, PV Oil, PV Power, PV Gas ...

Tiêu thụ điện giai đoạn 2012 - 2014 (triệu kWh)



Nguyên liệu, nhiên liệu tiêu thụ khác

Tổng hợp khối lượng nguyên liệu, vật tư tiêu thụ cho một số hoạt động cốt lõi của Tập đoàn được thống kê như sau:

Lĩnh vực hoạt động	Nguyên liệu tiêu thụ					
	Loại nguyên liệu	Đơn vị	Năm			
			2012	2013	2014	2015*
Công nghiệp điện	Khí khô / khí thương phẩm	tỷ m ³	2,81	2,82	2,67	1,44
	Than	tấn	-	-	228.360	729.362
	Dầu (FO+DO)	tấn	13.205	12.380	17.828	6.478
Lọc hóa dầu(**)	Dầu thô	triệu tấn	6,10	7,25	5,62	3,59
Sản xuất đạm	Khí khô / khí thương phẩm	tỷ m ³	980	1.010	1.033	504,1

*: Số liệu 6 tháng đầu năm 2015
**: Sản lượng tính cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

Nguyên liệu cung cấp chủ yếu cho ngành công nghiệp điện của Tập đoàn chủ yếu là khí thương phẩm (khí khô) dùng cho 4 nhà máy điện khí. Ước tính trong năm 2014, tổng lượng khí thương phẩm cung cấp cho các nhà máy điện khí là 2,67 tỷ m³ (giảm 5,3% so với năm 2013 và 5% so với năm 2012). Từ cuối năm 2014, Tập đoàn đã đưa tổ máy số 1 của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (công suất 2 x 600MW), nhà máy nhiệt điện chạy bằng than đầu tiên vào vận hành thương mại, dẫn đến sự gia tăng

tiêu thụ than hiện nay. Dầu diesel cũng được sử dụng làm nhiên liệu thứ cấp khi có sự cố xảy ra. Lượng dầu diesel tiêu thụ từ các nhà máy điện của Tập đoàn trong năm 2014 là 17.828 tấn (tăng 44% so với năm 2013 và 35% so với năm 2012).

Nhà máy Lọc dầu Dung Quất là nhà máy lọc dầu đầu tiên tại Việt Nam với công suất chế biến 6,5 triệu tấn nguyên liệu dầu thô/năm. Trong giai đoạn từ 2012 - 2014, sản lượng dầu thô cung cấp cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đạt giá trị cao nhất là 7,25

triệu tấn (2013), cao hơn 1,15 triệu tấn so với năm 2012 và 1,63 triệu tấn so với năm 2014.

Nhà máy Đạm Phú Mỹ và Nhà máy Đạm Cà Mau có tổng công suất là 1.600.000 tấn sản phẩm urê/năm. Nguyên liệu chính cung cấp cho các hoạt động của các nhà máy đạm là khí thương phẩm (khí khô). Tổng lượng khí thương phẩm cung cấp cho 2 nhà máy đạm của Tập đoàn trong năm 2014 là 1,033 tỷ m³, tăng 47,6% so với mức tiêu thụ năm 2013 và 65,1% so với mức tiêu thụ năm 2012.

NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐÃ SẢN XUẤT

Tổng hợp sản lượng điện và nhiên liệu sinh học đã được Tập đoàn sản xuất trong giai đoạn 2012 - 2015 được thống kê trong bảng dưới đây:

		2012	2013	2014	2015*
Thủy điện (triệu kW)	Nhà máy Thủy điện Hòa Na	-	657,2	672	210,1
	Nhà máy Thủy điện Đakđrinh	-	-	363	336,6
	Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt	11,07	9,75	16,4	4,8
Phong điện (triệu kW)	Dự án Phong điện Phú Quý	0,9	2,4	3,5	2,19
NLSH (m ³ /năm)	Nhà máy Bioethanol Dung Quất	-	27	17.590	22.400

LƯỢNG HYDROCACBON ĐỐT BỎ

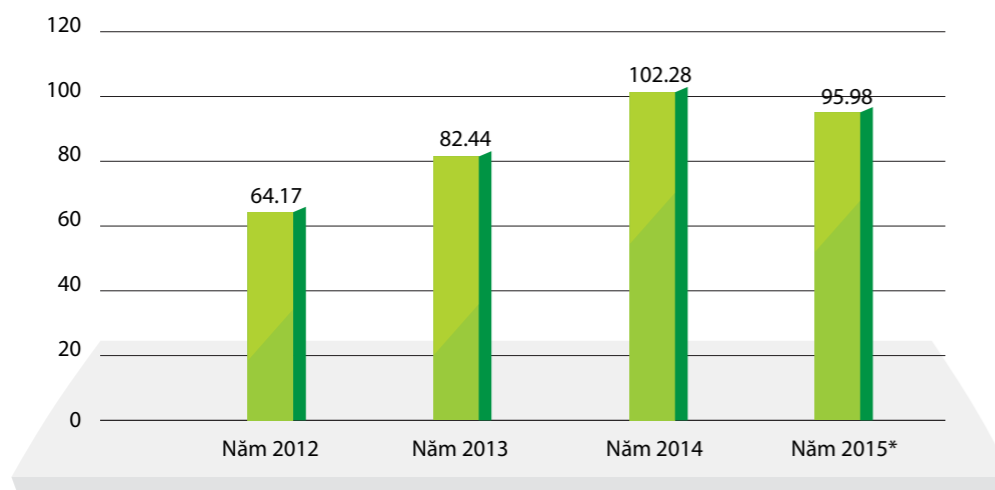
Quan điểm "Hạn chế đốt bỏ và triệt để thu hồi và sử dụng khí đồng hành" đã được Tập đoàn áp dụng nghiêm ngặt đối với tất cả nhà thầu dầu khí khai thác ngoài khơi trong những năm vừa qua. Lượng khí hydrocacbon đốt bỏ trên các công trình khai thác ngoài khơi chủ yếu là từ hoạt động duy trì được đốt trên giàn, hoạt động đốt khẩn cấp. Các trường hợp chưa thể/không thể thực hiện thu hồi khí đồng hành (do không khả thi về điều kiện kinh tế, khó khăn do tình hình thực tế tại đơn vị...) phải báo cáo Tập đoàn và trình Bộ Công Thương xem xét và chấp thuận.

Việc xây dựng các đường ống thu gom khí Rạng Đông - Bạch Hổ - Phú Mỹ, Nam Côn Sơn, PM3 - Cà Mau, Thái Bình đã giúp thu hồi tối đa lượng khí

đồng hành và khí đang khai thác từ các bể Cửu Long, Nam Côn Sơn, các mỏ khí khu vực Tây Nam Bộ và bể Sông Hồng thay vì đốt bỏ. Trong tương lai, Tập đoàn sẽ triển khai xây dựng tiếp các đường ống thu gom khí Nam Côn Sơn 2 và đường ống Lô B - Ô Môn nhằm tận thu nguồn khí từ các mỏ khai thác tại Việt Nam.

Tuy nhiên, tổng hợp khối lượng khí đồng hành được đốt bỏ hiện đang có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2012 - 2015. Điều này là do một số mỏ khí được đưa vào khai thác trong giai đoạn này (mỏ Sư Tử Trắng, Thiên Ưng), dẫn đến việc gia tăng việc đốt khí để duy trì được đốt trên các giàn và đốt xả áp trong trường hợp sự cố.

Tổng lượng khí đốt bỏ ngoài khơi giai đoạn 2012 - 2015 (triệu tấn)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

Trong tương lai, Tập đoàn cùng với các nhà thầu sẽ cố gắng kiểm soát tốt hơn nữa các hoạt động khai thác dầu khí ngoài khơi, giảm tối đa các sự cố vượt áp nhằm hạn chế tối đa lượng hydrocacbon đốt bỏ. Một số giải pháp để giảm thiểu lượng hydrocacbon đốt bỏ bao gồm:

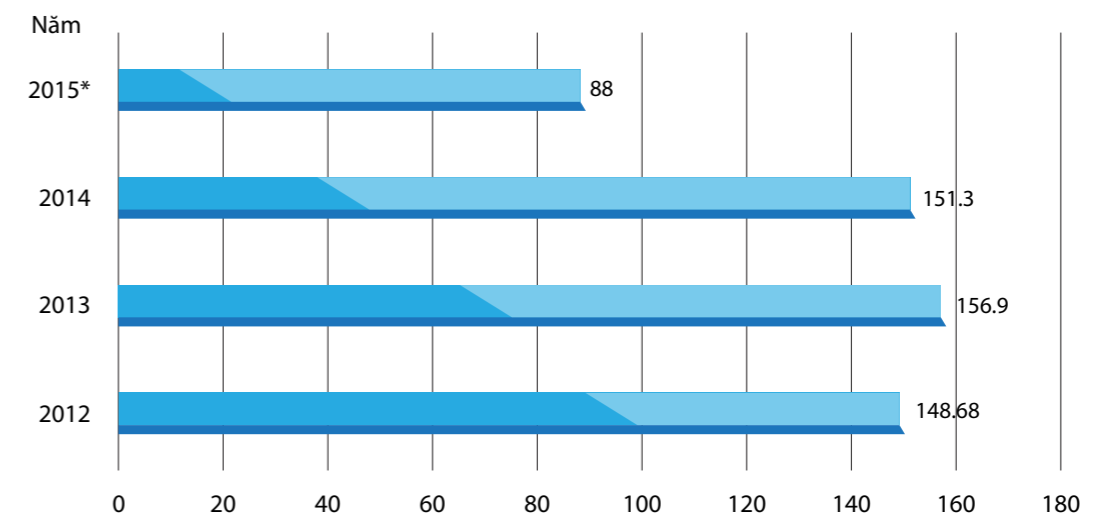
- Tận dụng tối đa các khí khai thác để làm khí nhiên liệu và khí gaslift sử dụng tại chỗ để nâng cao hiệu quả khai thác dầu khí của các giếng khoan thay thế cho việc sử dụng dầu diesel trong quá trình khai thác trước đây;

- Lắp đặt các bơm nén để thu hồi khí thấp áp và chuyển về bờ cung cấp cho các hộ tiêu thụ;
- Lắp đặt các hệ thống tách và thu hồi khí ở áp suất cực thấp;
- Nâng cao hiệu suất từ các quá trình của hệ thống nén khí;
- Sử dụng hệ thống cáp ngầm dưới biển để truyền tải điện phục vụ hoạt động cho cụm công trình khai thác ngoài khơi (giàn PPD-40000 của VSP cung cấp điện tiêu thụ cho cụm công trình khai thác của mỏ Bạch Hổ).

KHÍ THẢI TỪ CÁC NHÀ MÁY TRÊN BỜ

Đối với các nhà máy trên bờ, nguồn phát sinh khí thải chính có nguồn gốc từ hoạt động tiêu thụ nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Lượng khí thải phát thải trong giai đoạn 2012 đến hết 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

Tải lượng khí thải trên bờ giai đoạn 2012 - 2015 (tỷ m³)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

Có thể thấy, tải lượng khí thải trên bờ hàng năm trong giai đoạn 2012-2014 chỉ có sự dao động tương đối nhỏ. Tải lượng khí thải 6 tháng đầu năm 2015 có sự tăng mạnh so với cùng kỳ các năm 2012 - 2014. Điều này là do Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 bắt đầu được đưa vào vận hành từ cuối năm 2014.

Để giảm thiểu khối lượng khí thải, Tập đoàn xác định các giải pháp bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống thu hồi hơi để thu hồi và tái sử dụng tối đa hơi hydrocacbon cũng như nhiệt thừa sinh ra trong quá trình chế biến dầu khí và lọc hóa dầu;
- Lựa chọn công nghệ sản xuất điện chu trình hỗn hợp (dầu, khí) cho các nhà máy nhiệt điện khí nhằm chuyển đổi nhiên liệu dùng để phát điện: Từ tiêu thụ nhiên liệu nhiều cacbon sang nhiên liệu ít cacbon;
- Sử dụng các bồn chứa sản phẩm dầu khí là loại bồn kín, hình cầu hoặc hình trụ, có hệ thống thu hồi hơi hydrocacbon nhằm hạn chế tối đa bay hơi sản phẩm vào môi trường;
- Lắp đặt các hệ thống thu hồi hơi tại các trạm xuất sản phẩm để thu hồi hơi từ các xe bồn hoặc khoang chứa trên tàu để xuất nhập sản phẩm;
- Kiểm soát hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối (bao gồm các trạm phân phối) nhằm hạn chế rò rỉ khí và các sự cố khẩn cấp dẫn đến đốt tại đuốc.

SỬ DỤNG NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

Nguồn nước sử dụng cho các cụm công trình dầu khí trên bờ chủ yếu là nước mặt (99,9%). Nước mặt lấy từ các nhà máy cấp nước được dùng để phục sản xuất, sinh hoạt và một phần dành

cho công tác phòng cháy chữa cháy. Nước mặt lấy trực tiếp từ các sông rạch và khu vực ven biển được sử dụng để làm mát hệ thống công nghệ.

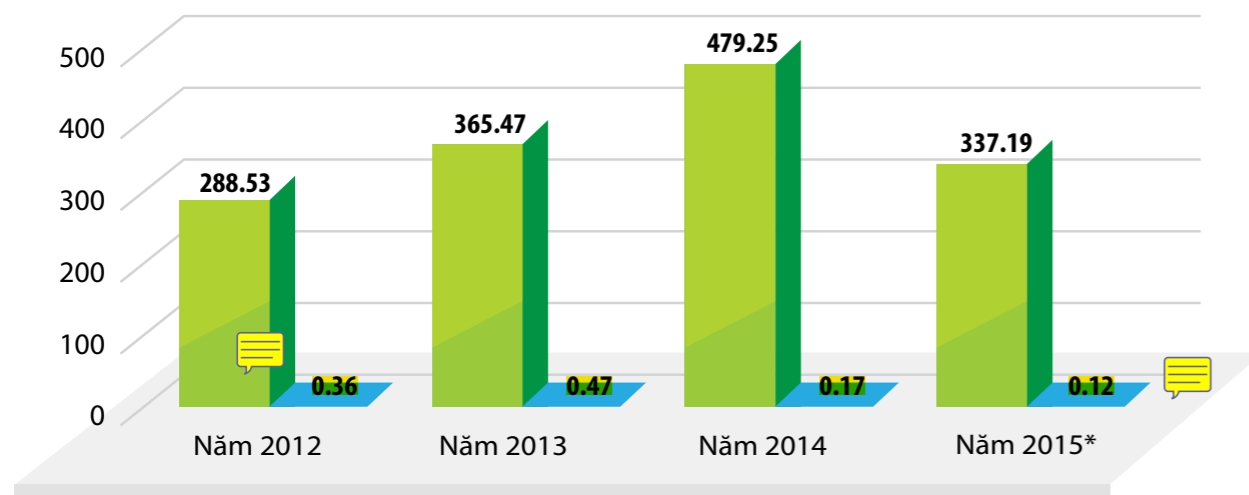
Nước sử dụng	Năm			
	2012	2013	2014	2015*
Nước mặt (m ³ /năm)	288.530.322	365.474.862	479.246.714	337.193.847
Nước ngầm (m ³ /năm)	360.684	465.232	171.768	123.652
Tổng	288.891.006	365.940.094	479.418.482	337.317.499

* Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

Do nhu cầu phát triển ngày càng tăng của Tập đoàn, tổng lượng nước mặt sử dụng cho các cụm công trình dầu khí trên bờ giai đoạn từ 2012 đến 2014 tăng dần tốc độ trung bình 25-30% mỗi năm. Với mục đích sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, nước sử dụng để làm mát tại các nhà máy điện và nhà máy lọc dầu được tái tuần hoàn.

Nước thải phát sinh trong các hoạt động dầu khí chủ yếu là nước khai thác thải, chiếm đến 70% tổng khối lượng, còn lại là nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt. Điều này cũng phản ánh hoạt động khai thác dầu khí hiện đang là hoạt động trọng tâm của Tập đoàn.

Tổng lượng nước sử dụng giai đoạn 2012 - 2015 (triệu m³)



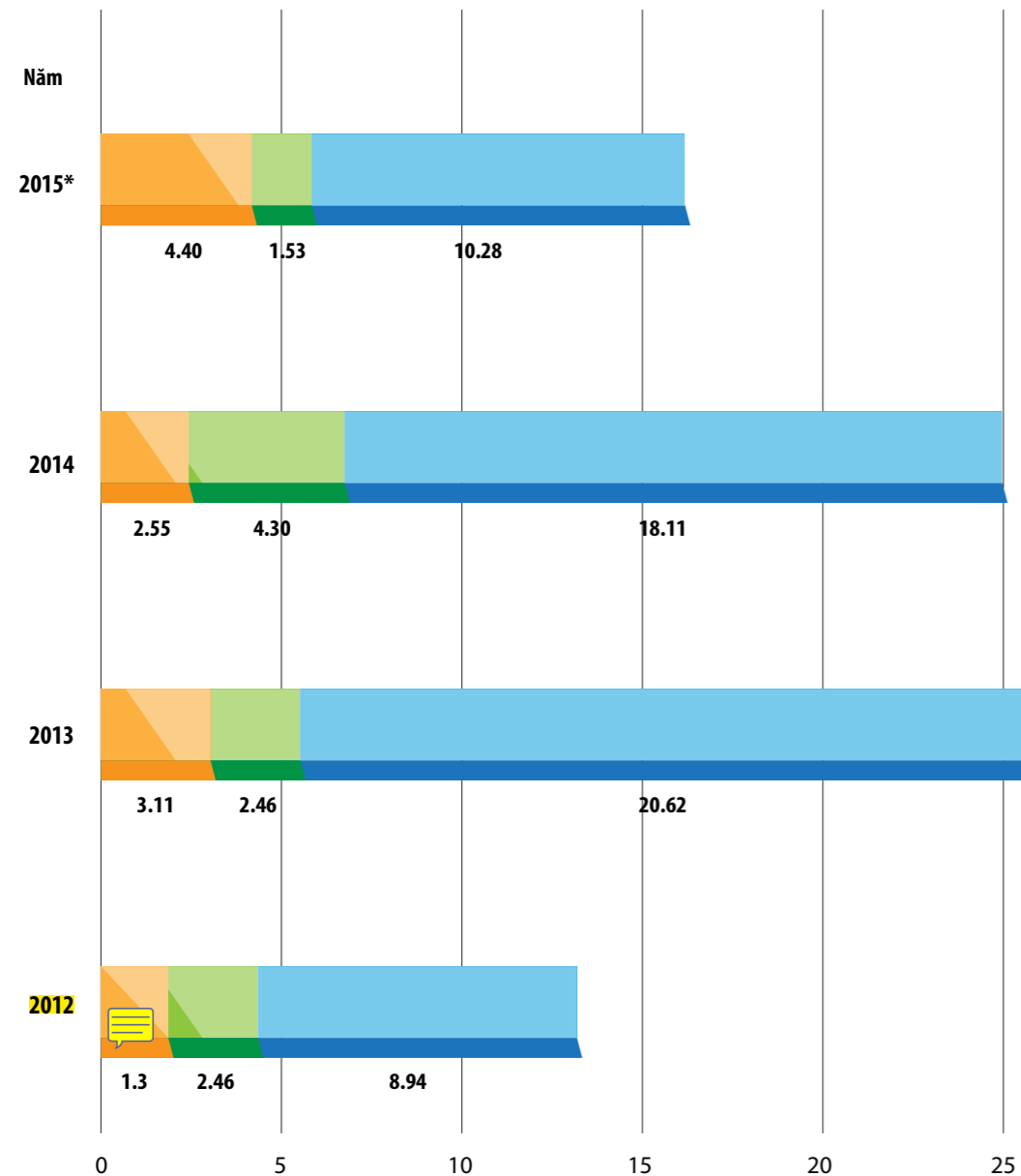
* Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

Nước thải	Năm			
	2012	2013	2014	2015*
Nước thải công nghiệp (m ³ /năm)	1.979.543	3.108.726	2.545.718	4.404.986
Nước thải sinh hoạt (m ³ /năm)	2.457.548	2.456.349	4.297.984	1.527.200
Nước khai thác thải (m ³ /năm)	8.941.429**	20.616.370	18.108.479	10.277.224
Tổng (m³/năm)	13.378.520	26.181.445	24.952.181	16.209.410




* Số liệu 6 tháng đầu năm 2015 / ** Số liệu tạm tính năm 2012



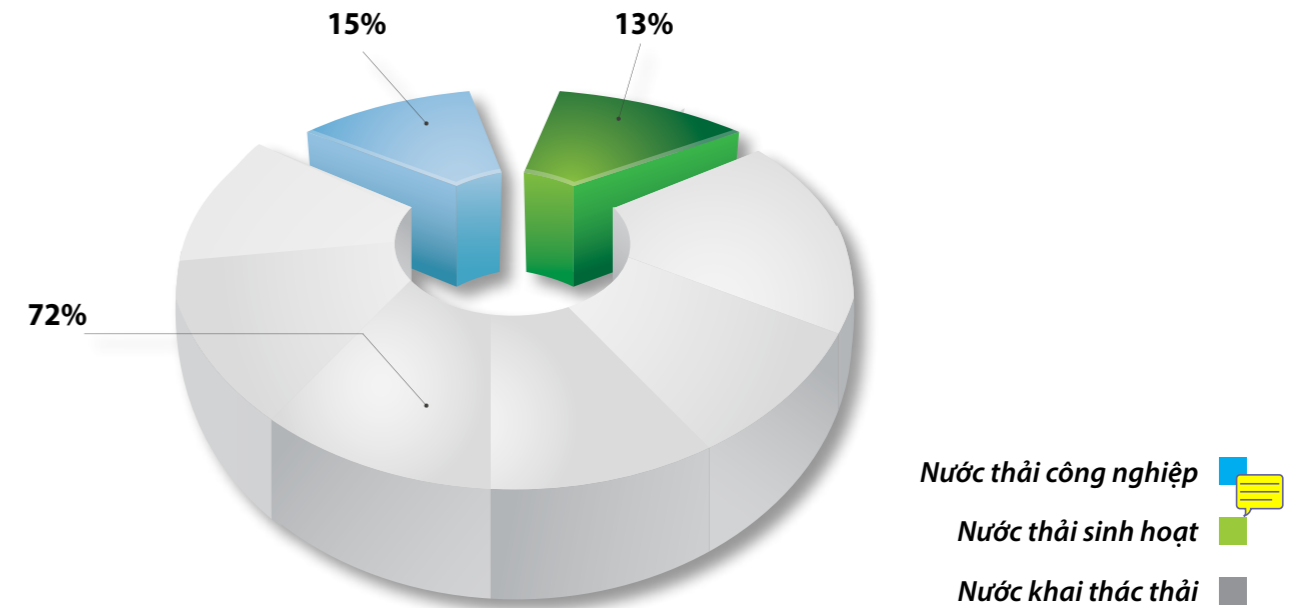
Tổng lượng nước thải 2012 - 2015 (triệu m³)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

-  Nước khai thác thải
-  Nước thải sinh hoạt
-  Nước thải công nghiệp

Thành phần nước thải 2012 - 2015



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2015

Tại các công trình khai thác dầu khí ngoài khơi, nước khai thác thải được đưa tới hệ thống xử lý nước khai thác trên các giàn công nghệ để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước khai thác thải từ các công trình dầu khí trên biển - QCVN 35:2010/BTNMT (hàm lượng dầu trong nước khai thác sau xử lý luôn < 40 mg/l) trước khi thải xuống biển. Thực tế, một số nhà thầu dầu khí (CLJOC, HLJOC, JVPC, POVO...) luôn duy trì hàm lượng dầu trong nước khai thác sau xử lý không vượt quá 35 mg/l, giảm 14% so với quy chuẩn.

Nước khai thác sau xử lý có độ đục thấp, được pha loãng nhanh trong môi trường biển sau khi

thải xuống biển và ảnh hưởng không đáng kể đến chất lượng nước và quần thể sinh vật biển. Nước thải sinh hoạt tại các công trình ngoài khơi được thu gom và xử lý trước khi thải xuống biển theo đúng quy định trong Phụ chương IV - Công ước MARPOL 73/78. Toàn bộ các hệ thống xử lý nước thải tại các công trình dầu khí trên đều được trang bị hệ thống giám sát thường xuyên (online analyzer) và lấy mẫu phân tích định kỳ nhằm kiểm tra và giám sát các thông số nước thải trước và sau xử lý để đảm bảo nước thải ra luôn đạt yêu cầu theo quy định.

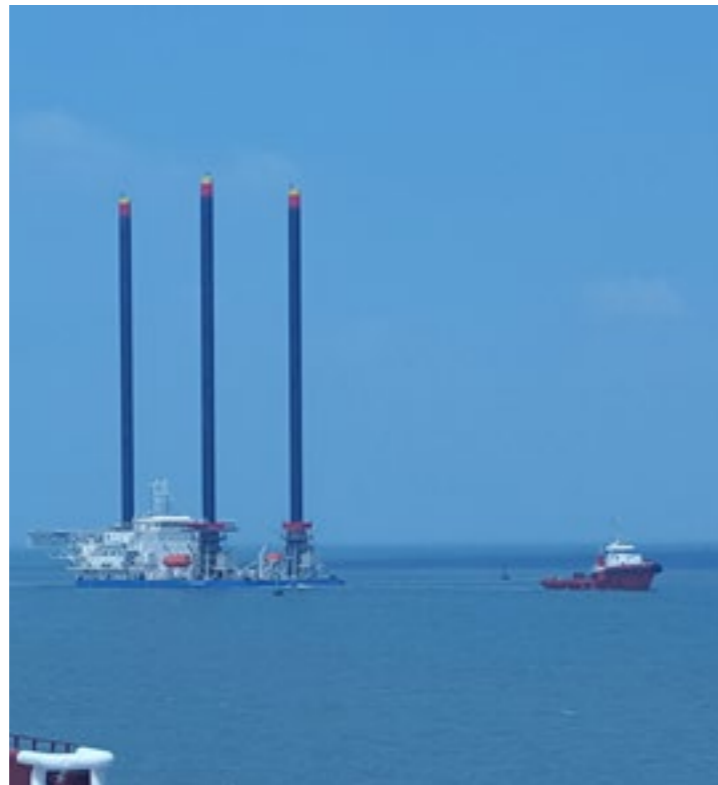
Tại các tổ hợp lọc hóa dầu, nhà máy đạm, nhà máy điện và các công trình dầu khí khác trên

bờ, Tập đoàn luôn chủ động đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung (nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt) hiện đại đáp ứng các quy chuẩn nước thải của Việt Nam và tiêu chuẩn của các tổ chức cho vay vốn quốc tế (WB, IFC, ADB...). Các dòng thải riêng biệt (hóa chất, nhiễm dầu, sinh hoạt) được xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý triệt để. Điển hình như Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung sử dụng màng sinh học MBR hiện đại với công suất 680m³/ngày.

CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP

Mùn khoan thải

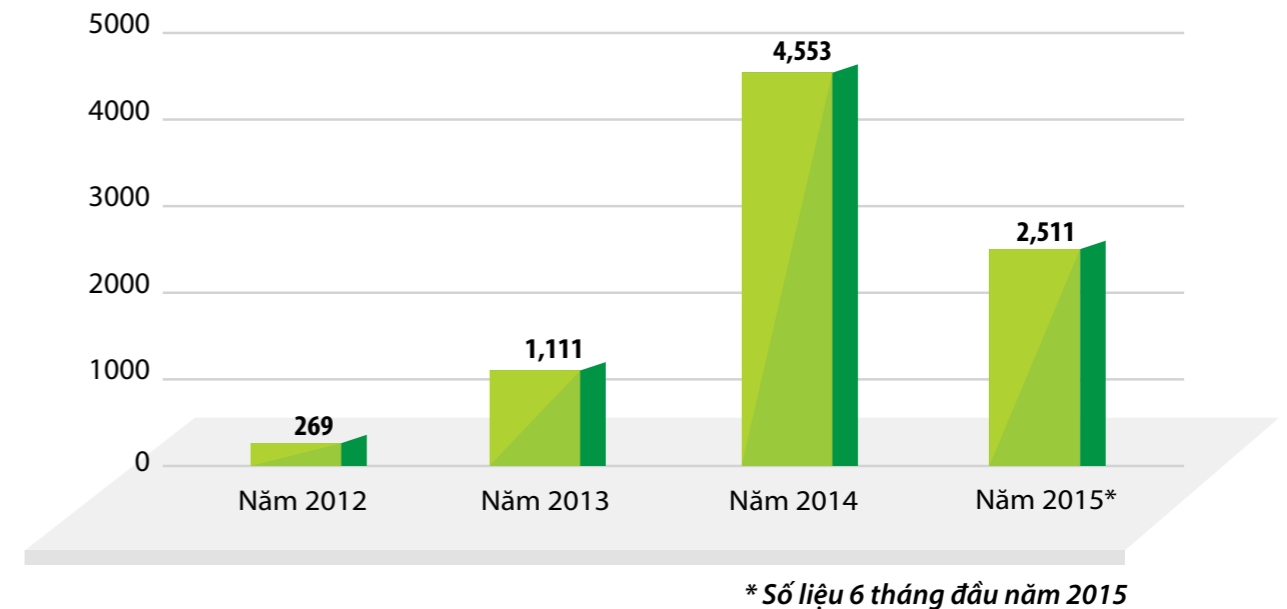
Mùn khoan từ hoạt động khoan sử dụng dung dịch khoan nền không nước được đặc biệt quan tâm và được quản lý theo quy định tại QCVN 36:2010/BTNMT. Thống kê tải lượng mùn khoan thải trong các hoạt động khoan sử dụng dung dịch khoan nền không nước giai đoạn 2012 - 2014 cho thấy, có sự gia tăng trong sử dụng dung dịch khoan nền tổng hợp trong hoạt động khoan thăm dò và khai thác. Nguyên nhân của sự gia tăng này là việc Tập đoàn và các nhà thầu dầu khí đang dần dần tiến hành thăm dò, phát triển mỏ tại các khu vực mới, có mực nước sâu và xa bờ. Việc chuyển đổi sang sử dụng các dung dịch khoan nền không nước không chỉ đảm bảo an toàn và giải quyết các phức tạp kỹ thuật, mà còn giúp tiết kiệm chi phí, giảm giá thành của công tác khoan. Đặc biệt với bối cảnh giá dầu trên thế giới đang giảm mạnh, tối ưu chi phí khoan là một vấn đề quan trọng và dự báo việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước sẽ tiếp tục được đẩy mạnh tại thêm lục địa của Việt Nam trong những năm sắp tới.



Tập đoàn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nghiêm ngặt việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước trong hoạt động khoan. Chỉ những hệ dung dịch khoan nền không nước có độc tính thấp theo tiêu chuẩn quốc tế mới được phép xem xét sử dụng tại vùng biển của Việt Nam. Ngoài ra, dự án sử dụng dung dịch khoan nền không nước được đánh giá chi tiết về tác động môi trường có thể gây ra, trên cơ sở đó xác định các biện pháp giảm thiểu sẽ được triển khai để tránh gây tác động đáng kể tới chất lượng môi trường biển và các nguồn lợi sinh học. Mùn khoan được xử lý bằng hệ thống xử lý chất thải rắn theo thông lệ quốc tế gồm sàng rung, tách cát, tách bùn, ly tâm và sấy khô trước khi thải xuống biển (hàm lượng dung dịch khoan bám dính < 9,5% theo quy định). Hơn nữa, việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước còn được giám sát chặt chẽ và báo cáo định kỳ trong suốt quá trình triển khai. Công tác quan trắc môi trường được tiến hành sau khi kết thúc hoạt động khoan và báo cáo đầy đủ tới các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

Cho đến nay, việc triển khai đồng bộ các biện pháp nêu trên đã mang lại kết quả tích cực trong việc giảm thiểu tác động từ việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước. Đây cũng là một căn cứ để Tập đoàn và các nhà thầu dầu khí làm cơ sở tiếp tục phát triển việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam, thông lệ của quốc tế và đòi hỏi thực tiễn của nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Mùn khoan nền không nước thải giai đoạn 2012 - 2015 (tấn)



Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thống kê lượng chất thải trong hoạt động dầu khí tại Việt Nam trong giai đoạn 2012 - 2015 được trình bày trong bảng dưới đây.

Năm	Chất thải rắn thông thường				Chất thải nguy hại			
	2012	2013	2014	2015*	2012	2013	2014	2015*
Thăm dò khai thác dầu khí	6.819	5.400	6.195	3,119	3.909	4.608	7.176	9,025
Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí	200	238	1.657	224	192	119	506	183
Công nghiệp điện	540	496	669	3,575	37	44	47	29
Công nghiệp chế biến dầu khí	5.109	10.013	8.174	5,477	431	1.280	1.191	461
Dịch vụ dầu khí	16.872	14.736	14.861	6,411	2.306	4.077	7.867	1,879
Tổng	29.540	30.883	31.556	18,806	6.875	8.976	16.787	11,576



Trong giai đoạn 2012 - 2014, các hoạt động thăm dò khai thác dầu khí, dịch vụ kỹ thuật dầu khí và chế biến dầu khí góp trên 95% tổng khối lượng chất thải phát sinh, phản ánh đúng vai trò trọng của 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh nói trên trong cơ cấu hoạt động của Tập đoàn. Chất thải nguy hại hiện đang chiếm 30% trong tổng số khối lượng chất thải phát sinh. Tốc độ gia tăng trung bình của khối lượng chất thải phát sinh hiện ở mức 10 - 20% mỗi năm. Khối lượng chất thải nguy hại có sự gia tăng rõ rệt trong khi khối lượng chất thải thông thường chỉ gia tăng không đáng kể.

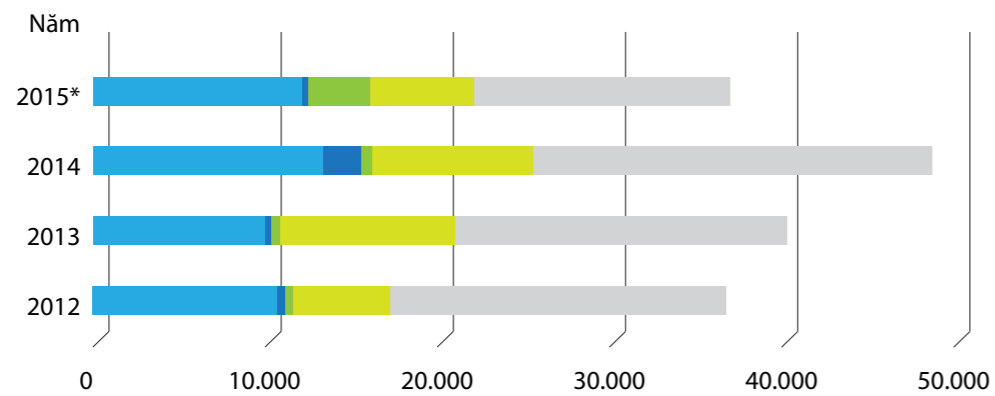
Các nguyên nhân của sự gia tăng này gồm:

- Ngoài khơi nhiều mỏ mới được đưa vào khai thác bao gồm Hải Thạch - Mộc Tinh (BDPOC), Thổ

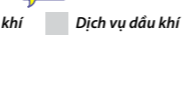
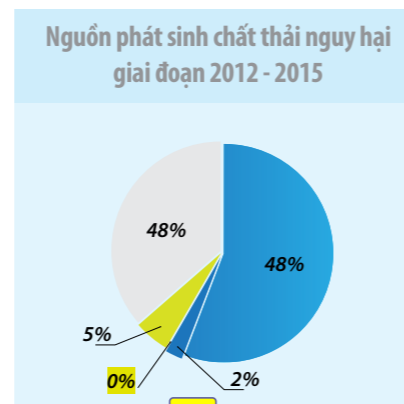
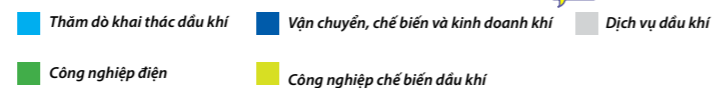
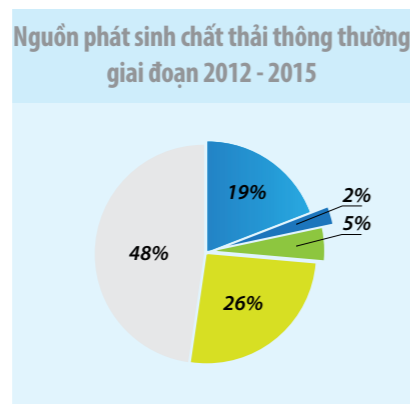
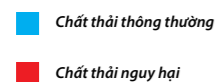
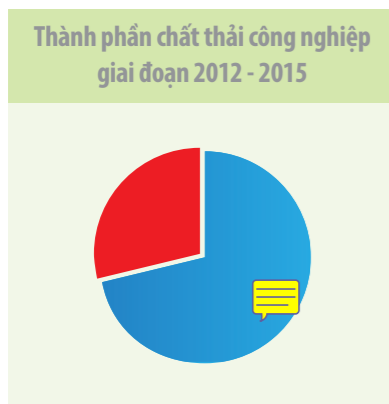
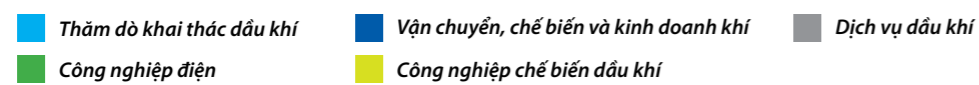
Trắng và Gấu Trắng (VSP), Thăng Long - Đông Đô (LSJOC)... trong khi trên bờ đó là Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Xơ sợi Đình Vũ (PVTEX), Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất (BSR-BF)... được đưa vào vận hành làm tăng tổng lượng chất thải phát sinh;

- Việc sử dụng phổ biến hơn các dung dịch khoan nền không nước trong lĩnh vực thăm dò khai thác dầu khí và các nhà máy lọc dầu, đạm, điện sau một thời gian vận hành phải tiến hành công tác bảo dưỡng định kỳ, cụ thể Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Đạm Phú Mỹ... đã được tiến hành bảo dưỡng tổng thể trong giai đoạn này làm khối lượng chất thải nguy hại có sự gia tăng.

Chất thải công nghiệp giai đoạn 2012 - 2015 (tấn)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2015



VII. CÁC BÊN LIÊN QUAN - CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn có mối quan hệ và tương tác với nhiều bên liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từ phạm vi trong nước, đến khu vực và trên thế giới, cơ quan quản lý nhà nước từ cấp địa phương đến trung ương. Tập đoàn xác định các bên liên quan đến hoạt động của Tập đoàn là những bên có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi hoạt động của Tập đoàn, bao gồm nhóm ảnh hưởng trực tiếp và nhóm ảnh hưởng gián tiếp:

- Nhóm ảnh hưởng trực tiếp gồm cơ quan quản lý nhà nước, khách hàng, người lao động... đây là những đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi hoạt động của Tập đoàn;

- Nhóm ảnh hưởng gián tiếp là nhóm bị tác động gián tiếp bởi hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường và xã hội bằng những ảnh hưởng minh bạch thông tin,

quản trị doanh nghiệp gồm nhà cung cấp, hiệp hội ngành, ngân hàng, đối thủ cạnh tranh...

Tập đoàn luôn mong muốn mang lại sự hài lòng cho tất cả các bên liên quan trong mọi hoạt động. Để đạt được mục tiêu đó, Tập đoàn chủ động trao đổi thông tin với các bên thông qua nhiều hình thức như tổ chức đối thoại, gặp gỡ định kỳ, đột xuất; tổ chức họp báo hằng quý; trình bày, báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước; trao đổi ý kiến với khách hàng bằng thư điện tử... Các hình thức trao đổi thông tin chính như sau:

- Cơ quan quản lý nhà nước: Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản hoặc tổ chức họp; góp ý cải tiến; trình bày các khó khăn, vướng mắc để đề xuất giải quyết;

- Khách hàng: Gặp gỡ định kỳ các nhà thầu dầu khí hằng năm,

tổ chức các chuyến thăm ngoại giao và làm việc với các tổ chức đầu khí thế giới tìm kiếm cơ hội hợp tác; tìm hiểu mong muốn, ghi nhận ý kiến của nhà thầu để cải tiến chất lượng hoạt động;

- Người lao động: Tổ chức đại hội người lao động hằng năm, tổ chức đối thoại giữa người lao động và người sử dụng lao động, tổ chức giao lưu nhân dịp cuối năm; ghi nhận các ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của người lao động và giải quyết hài hòa các nguyện vọng;

- Các cơ quan báo chí, người dân quan tâm: Hợp báo hằng quý; công bố thông tin minh bạch về tình hình sản xuất;

- Các tổ chức đoàn thể, hiệp hội của ngành: Tổ chức gặp gỡ, làm việc 1 lần/năm; trao đổi thông tin để cùng phối hợp thúc đẩy sự phát triển của Tập đoàn.

TRÁCH NHIỆM VỚI CÁC DỰ ÁN CÓ TÁI ĐỊNH CƯ

Tập đoàn và các đơn vị cơ sở luôn tuân thủ các quy định pháp luật về xã hội qua việc cam kết với địa phương, địa bàn hoạt động của các đơn vị sản xuất kinh doanh ngay từ khi bắt đầu dự án. Một số các luật, quy định chính liên quan đến xã hội mà Tập đoàn và các đơn vị cơ sở được tuân thủ gồm:

- Trong giai đoạn thu hồi đất, đền bù và tái định cư, chủ dự án đã và đang tuân thủ theo quy định và hướng dẫn chi tiết tại Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

- Trong quá trình tuyển dụng, sử dụng lao động, Tập đoàn và các đơn vị cơ sở tuân thủ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 và

các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Trong các hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tập đoàn, việc triển khai các dự án có sử dụng đất của cộng đồng dân cư phải thực hiện di dời tái định cư cho các cộng đồng bị mất đất bởi dự án. Việc thực hiện chương trình di dời tái định cư là một trong những bước khó khăn và phức tạp đối với chủ dự án do cần phải có sự đồng thuận cao của chính quyền và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng. Do đó, chủ đầu tư phối hợp rất chặt chẽ với các bộ phận liên quan của địa phương (ban giải phóng mặt bằng, bồi thường và tái định cư) triển khai và tổ chức rất nhiều cuộc họp với người dân để việc di dời và tái

định cư được thuận lợi. Phương châm của Tập đoàn là hỗ trợ tối đa người dân bị ảnh hưởng, cuộc sống và nơi định cư mới của dân phải tốt hơn trước khi di dời.

Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc trách nhiệm của chủ đầu tư thông qua các chương trình tái định cư bao gồm: Bồi thường cho phần diện tích đất bị thu hồi, tài sản gắn liền trên đất bị ảnh hưởng kèm theo hỗ trợ nơi ở/nhà ở mới, thiết lập các chương trình đào tạo, hướng nghiệp, dạy nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, tạo công ăn việc làm... từng bước ổn định đời sống cho các cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, Tập đoàn và các đơn vị cơ sở đã nỗ lực tuyên truyền và xây dựng một môi trường văn hóa doanh nghiệp hướng tới cộng đồng thông qua các tổ chức đoàn thể như Công Đoàn, đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Dấu Khí...

Các chương trình phát triển cộng đồng được thực hiện chủ yếu trên các lĩnh vực: phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, các hoạt động vì chủ quyền biển đảo và các hoạt động an sinh xã hội (ASXH), đền ơn đáp nghĩa và được thực hiện thường xuyên tại các đơn vị của Tập đoàn.

Công tác từ thiện, ASXH đã được tập thể lãnh đạo và người lao động trong toàn ngành xác định vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ, là lương tâm của mỗi người đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Để làm được việc này, trong nhiều năm qua, công tác tuyên truyền giáo dục không ngừng được quan tâm đối với các thể hệ lãnh đạo Tập đoàn. Tập đoàn xác định ASXH là một nhiệm vụ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hằng năm của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở.

Để làm tốt công tác ASXH, Tập đoàn luôn phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ... có như vậy mới có thể có được những đóng góp thiết thực, hiệu quả trong công tác xóa đói giảm nghèo ở những nơi đặc biệt khó khăn nhưng lại là những địa bàn chiến lược, đảm bảo sự toàn vẹn lãnh thổ cũng như an ninh quốc gia (Quần đảo Trường Sa, các huyện nghèo miền núi, biên giới...).

Hằng năm, công tác ASXH trong toàn Tập đoàn được tổng kết, đánh giá và là một phần, một chỉ tiêu quan trọng trong báo cáo thực hiện kế hoạch hằng năm của Tập đoàn cũng như các đơn vị cơ sở. Việc hoàn thành hay chưa hoàn thành kế hoạch ASXH của các đơn vị cũng được xem xét, đánh giá và xét khen thưởng đối với các đơn vị. Kế hoạch công tác ASXH của năm sau cũng được bàn bạc, trao đổi và đưa ra được những con số thực tế phù hợp với đặc thù cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đó.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, hưởng ứng cuộc vận động

của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hỗ trợ các địa phương, các xã, huyện nghèo, khó khăn, Tập đoàn đã phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể, các địa phương, tổ chức cá nhân trong cả nước để thực hiện chương trình ASXH nhằm giúp đỡ, hỗ trợ, góp phần xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững, xây dựng nông thôn mới...

Trong các năm từ 2012 đến hết 6 tháng đầu năm 2015, Tập đoàn đã hỗ trợ các địa phương/tổ chức triển khai công tác ASXH nói chung và công tác giảm nghèo nói riêng đạt 1.908,7 tỷ đồng cụ thể:

- **Năm 2012: đạt 604 tỷ đồng;**
- **Năm 2013: đạt 535 tỷ đồng;**
- **Năm 2014: đạt 525 tỷ đồng;**
- **Năm 2015: đạt 244,7 tỷ đồng (kế hoạch cả năm là 655 tỷ đồng).**

Kinh phí hỗ trợ chương trình ASXH được tập trung theo các nội dung: hỗ trợ xây dựng 41.956 căn nhà Đại đoàn kết, 322 trường học/công trình giáo dục, 152 trạm y tế/bệnh viện và thực hiện các chương trình đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ, thiên tai, từ thiện xã hội khác.

Hỗ trợ giáo dục - trường học

Tập đoàn và các đơn vị cơ sở luôn quan tâm đến việc xây dựng nguồn nhân lực nước nhà bằng cách gây quỹ học bổng giúp các học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, xây dựng trường mầm non, nhà lưu trú cho học sinh, cải thiện môi trường học tập, trao học bổng đến trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ về vật chất và tinh thần, tạo cơ hội cho các em học tập. Tổng số tiền Tập đoàn chi cho hỗ trợ giáo dục, trường học giai đoạn 2012 - 2014 thông qua các quỹ học bổng và các chương trình sau:

- Quỹ Học bổng Thắp sáng niềm tin được thành lập năm 2007 để trao học bổng cho các em trong suốt thời gian học đại học với mức học bổng trong khoảng từ 8 - 13 triệu đồng/học sinh/năm học nhằm đảm bảo cho các em trang trải học phí và một phần sinh hoạt phí. Đặc biệt hơn, bên cạnh sự giúp đỡ về vật chất, Quỹ Học bổng Thắp sáng niềm tin luôn sát cánh cùng các em trong suốt quá trình học tập, giúp các em trang bị thêm văn hóa giao tiếp, ứng xử, kỹ năng sống, kinh nghiệm học tập, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình... và định hướng nghề nghiệp để các em vững tin bước vào đời. Trong giai đoạn 2012 - 2014, Tập đoàn đã trao 328 học bổng toàn phần cho các em sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;
- Chương trình Học bổng Đạm Phú Mỹ: PVFCCo

đã trao gần 2.500 suất học bổng Đạm Phú Mỹ với tổng trị giá gần 14 tỷ đồng và là một trong những chương trình học bổng có giá trị lớn nhất trên toàn quốc;

- Học bổng khuyến tài: thông qua sự hỗ trợ của các đơn vị cơ sở như PV Gas, VSP, PVFCCo... Tập đoàn đã tài trợ cho chương trình học bổng khuyến tài 5 tỷ đồng và trao học bổng cho 460 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vượt khó học giỏi, hỗ trợ các em vượt qua khó khăn trong suốt quá trình học đại học, vươn tới những ước mơ, phát triển tài năng học vụ đất nước;
- Chương trình trao học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học của các đơn vị cơ sở như PVFCCo, VPI, PV Gas;
- Chương trình hỗ trợ cho Quỹ Bảo trợ Trẻ em của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Chương trình xây dựng trường học: Tập đoàn đã hỗ trợ xây dựng trường học, trung tâm giáo dục tại các tỉnh Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La, Cà Mau, Kiên Giang, Bến Tre, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Thái Bình, Hưng Yên, Tuyên Quang;
- Tập đoàn đã hỗ trợ Đại học Quốc gia Hà Nội cải tạo nâng cấp hội trường để phục vụ đào tạo, hội thảo quốc tế.



Quan tâm đến sức khỏe cộng đồng

Tính đến hết năm 2014, các đơn vị cơ sở Tập đoàn đã hỗ trợ xây dựng 152 bệnh viện/trạm y tế. Ngoài ra, những hoạt động sau cũng thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe cộng đồng của CBCNV ngành Dầu khí:

- Tổ chức khám bệnh, phát thuốc tặng quà cho người nghèo tỉnh Bến Tre, hỗ trợ bệnh nhân nghèo vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Tham gia các ngày hội hiến máu;
- Kết hợp với Bệnh viện Đa khoa Cà Mau tổ chức khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí và quà cho gia đình nghèo tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Tổng số bà con nhân dân thăm khám là 300 người.

Tập đoàn đã ủng hộ lực lượng kiểm ngư và cảnh sát biển Việt Nam, tài trợ chính đối với các chương trình truyền thông bảo vệ biển và hải đảo. Ngoài ra, các đơn vị trong ngành cũng đóng góp ủng hộ các chương trình thăm, tặng quà các gia đình khó khăn, gia đình thương binh liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện đảo Lý Sơn và Trường Sa.



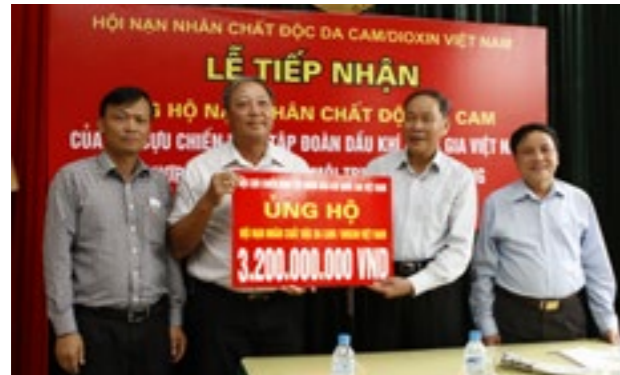
Các chương trình An sinh xã hội khác

Tập đoàn đã thực hiện tài trợ hơn 844 tỷ đồng cho chương trình đến ơn đáp nghĩa, cứu trợ, thiên tai thông qua các chương trình điển hình sau:

- Tặng bánh trung thu, đèn lồng học sinh trên đảo Lý Sơn, vùng sâu vùng xa cùng nhiều phần quà hỗ trợ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn;
- Các chương trình ASXH nhân dịp tết, tặng quà cho các gia đình khó khăn và Mẹ Việt Nam Anh hùng;
- Trao tặng quà, áo phao và nhà tình nghĩa cho các em học sinh, nhiều hộ gia đình khó khăn tại tỉnh Quảng Ngãi;
- Tham gia chương trình “Xây dựng nông thôn mới”, hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn cho xã Phước Kiển (huyện Nhà Bè, TP HCM), xây điểm trường mầm non cho huyện Gò Quao - Kiên Giang, tài trợ trang thiết bị, dụng cụ học tập, đồ chơi cho trường mầm non Tân Ngà - huyện Mèo Vac - tỉnh Hà Giang;
- Xây dựng công trình nhà ở nuôi dưỡng cho nạn nhân chất độc da cam dioxin;
- Tổ chức thăm hỏi, trao tặng quà tết cho các thương, bệnh binh nặng đang điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng Thương binh tỉnh Phú Thọ;

- Ủng hộ “Xuân Trường Sa”;
 - Tổ chức thăm hỏi, trao tặng quà Tết cho một số cơ sở đoàn và các gia đình khó khăn tại tỉnh Thái Bình và Hải Phòng;
 - Trao quà tết cho cựu chiến binh các tỉnh: Kon Tum, Quảng Bình, Quảng Trị, Thái Bình;
 - Hỗ trợ cho các bệnh nhân nghèo vùng ĐBSCL thông qua Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ.
- Ngoài ra, Công đoàn Dầu khí Việt Nam đã phối hợp với Tập đoàn hỗ trợ đột xuất cho các nạn nhân tai nạn, sự cố và thiên tai bão lụt:
- Hỗ trợ nạn nhân bị chìm tàu Cần Giờ 140 triệu đồng;
 - Ủng hộ cho các nạn nhân vụ nổ Nhà máy Z121 sản xuất pháo hoa tại Phú Thọ;
 - Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 10 và 11.

Những năm vừa qua, Tập đoàn đã triển khai thực hiện nhiều chương trình ASXH, trong đó có chương trình hỗ trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho các hộ nghèo thuộc 61 huyện trong danh sách huyện nghèo cả nước.



IX. KHEN THƯỞNG - GHI NHẬN

KHEN THƯỞNG - GHI NHẬN VỀ CÔNG TÁC ATSKMT

Tập đoàn và các đơn vị cơ sở cùng với nhiều cán bộ, công nhân viên đã nhận được nhiều khen thưởng, ghi nhận của các cơ quan quản lý nhà nước gồm Bộ Công Thương, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Nhân dân các địa phương... trong các công tác an toàn, môi trường, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, ứng phó sự cố tràn dầu.

Trong giai đoạn 2012 - 2014, đã có 30 tập thể tại các đơn vị cơ sở và 50 cán bộ, công nhân viên thuộc Tập đoàn được các cơ quan quản lý nhà nước tặng bằng khen ghi nhận thành tích về công tác ATSKMT. Bên cạnh đó, Ban ATSKMT của Tập đoàn đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho thành tích xuất sắc trong công tác ATSKMT của toàn ngành Dầu khí.



KHEN THƯỞNG - GHI NHẬN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Chương trình Vinh danh các doanh nghiệp thực hiện tốt ASXH và trách nhiệm cộng đồng năm 2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức đã vinh danh 7 đơn vị cơ sở của Tập đoàn gồm: PVCFC, VSP, PV Gas, PVD, BSR, PVFCCo và PV Oil. Đây là các điển hình doanh nghiệp tiên tiến trong việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và các đối tượng bảo trợ xã hội; Tổ chức các chương trình ASXH hiệu quả và sáng tạo, có lợi ích thiết thực đối với cộng đồng, tăng cường sự nhận biết của các nhà phân phối và người tiêu dùng trong và ngoài nước.





TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM